



Technology & Science

BROCHURE



2021 - 2022

Valid till : 31 st March 2022

Contact us for quotation @
HCM: 028-66.570570
HN: 024-32.009276

www.vietnguyenco.vn

MỤC LỤC

THƯ NGỎ

1

PHÂN TÍCH SẮC KÝ – QUANG PHỔ

2



www.scioninstruments.com/



www.cdsanalytical.com/



<http://www.gbcsce.com/>



www.membrapure.de



<https://new.abb.com/>



www.teledynetekmar.com



www.dynamica-eu.com



www.edinst.com/



www.hiranuma.com/

CƠ BẢN – CHUẨN BỊ MẪU

15



www.precisa.com/



www.froilabo-eu.com/



www.organomation.com/



www.aurorabiomed.com



www.promochrom.com/



www.evoqua.com/en

DƯỢC PHẨM – THỰC PHẨM – VI SINH – SINH HỌC – Y TẾ

24



www.labindia-analytical.com/



<https://serstech.com/>



<https://thermolabscientific.com/>



www.smeg-instruments.com



PERSON MEDICAL Co., Ltd.

<http://www.personmedi.co.kr/>



www.himac-science.com/

QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

32



www.environsupply.com/



www.seal-analytical.com



<https://www.labtech.eu/>



www.sutron.com



www.instrumex.net/



SPC DOZA

www.doza.ru/eng/



www.hi-q.net/



Met One Instruments, Inc.

www.metone.com/



SVANTEK

www.svantek.com/

vietCALIB®
Done Differently
Bảo Trì - Hiệu Chuẩn - Đào Tạo

VATTUSACKY.VN

SUATHIETBI.VN



Technology & Science

THƯ NGỎ

Kính gửi Quý Khách hàng,

Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật VIỆT NGUYỄN (www.vietnguyenco.vn) xin gửi lời chúc sức khỏe tới toàn thể Quý Khách hàng và lời cảm ơn chân thành về sự quan tâm hợp tác của Quý vị trong thời gian qua. Sự thành công và phát triển của Công ty Chúng tôi là nhờ sự đóng góp của Quý vị.

Công ty Chúng tôi chuyên tư vấn, cung cấp các giải pháp về Thiết bị khoa học kỹ thuật nhằm đáp ứng các yêu cầu của khách hàng cho các phòng thí nghiệm: nghiên cứu, phân tích, đo lường, kiểm tra chất lượng... cho Quý khách hàng trong các lĩnh vực sau:

- Các trường Đại học; Cao Đẳng, Viện nghiên cứu....
- Các Chi cục bảo vệ thực vật; Chi cục thú y; Chi cục nuôi trồng thủy sản; Chi cục Nông Lâm Sản và Thủy sản; Bộ Nông nghiệp...
- Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ; Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Bộ Khoa Học Công Nghệ...
- Các trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm – mỹ phẩm – thực phẩm; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật CDC; Các Trung tâm pháp y; Bộ Y Tế...
- Trung tâm quan trắc môi trường; Cảnh sát môi trường; Bộ Tài Nguyên Môi Trường....
- Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC04), Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09); Bộ Công An....
- Các bệnh viện; các trung tâm – cơ sở y tế...
- Các công ty sản xuất dược phẩm, hóa mỹ phẩm, thực phẩm, thủy hải sản, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, nhựa, cao su, gạch men, vật liệu xây dựng...
- Các công ty, phòng thí nghiệm lĩnh vực xăng – dầu khí – dầu biến thể – khí thiên nhiên...
- Các công ty, cửa hàng bán lẻ thiết bị khoa học kỹ thuật, thiết bị y tế ...
- Các dự án trong nước và Quốc tế...

Đến với Chúng tôi, Quý khách hàng có thể yên tâm về **“giá cả, chất lượng, phục vụ và chế độ hậu mãi tốt nhất”** do các chuyên viên kỹ thuật có nhiều kinh nghiệm và năng lực đảm trách với sự hỗ trợ của nhà sản xuất.

Với phương châm hoạt động **“Uy Tín – Tận Tâm” & “Mang lại giá trị tốt hơn so với mong đợi của Khách hàng”** - Công ty VIỆT NGUYỄN, cam kết đáp ứng cao nhất các yêu cầu của Quý khách hàng về các dịch vụ bảo hành, bảo trì, lắp ráp với các giải pháp kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và thiết kế sẵn, thông qua đó Chúng tôi mong muốn chứng tỏ rằng mục đích chính của Chúng tôi không chỉ là bán hàng mà còn theo dõi chất lượng các sản phẩm và **các giá trị cốt lõi kèm theo mang đến giá trị tối ưu cho Khách hàng.**

Công ty Chúng tôi luôn sẵn sàng tư vấn miễn phí để giúp Quý Khách hàng có được sự lựa chọn những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất.

Kính chúc Quý Khách hàng sức khỏe và thành công!

Trân trọng,

CTY TNHH TM DV KT VIỆT NGUYỄN
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN PHAN TUYẾT TRINH

**Sắc ký khí SCION 436-GC**

- Nhỏ gọn, hiệu năng cao
- Gắn và vận hành đồng thời 2 Injector với 5 loại Injector khác nhau
- Gắn và vận hành đồng thời 2 detector (1 detector GC + 1 detector khối phổ) với 7 loại detector khác nhau

**Sắc ký khí SCION 456-GC**

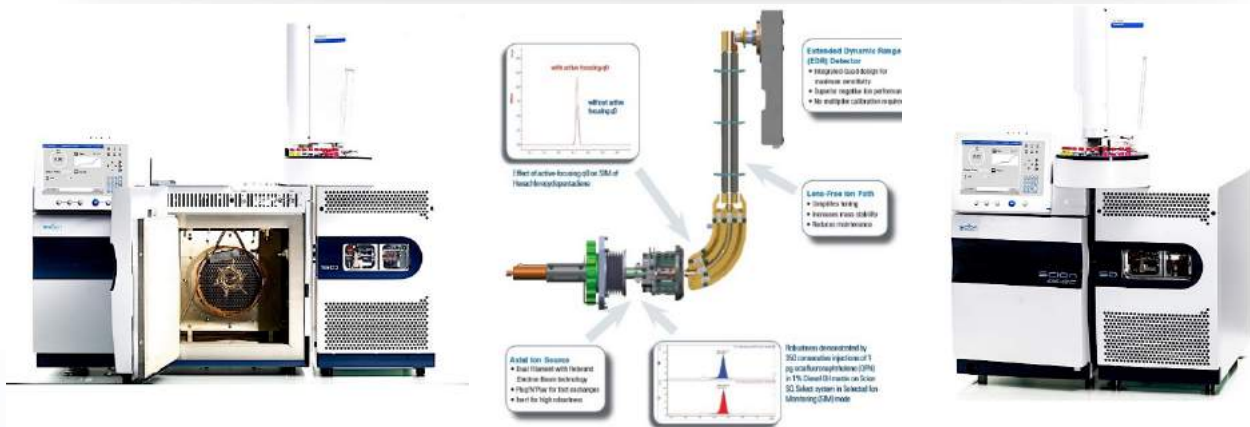
- Dòng GC hiệu năng cao
- Gắn và vận hành đồng thời 3 Injector với 5 loại Injector khác nhau
- Gắn/vận hành đồng thời 4 detector (3 detector GC+1 detector khối phổ) với 7 loại detector khác nhau

**Sắc ký khí khối phổ 01 tứ cực GCMS****436-GC/ SCION SQ Select****456-GC/ SCION SQ Select**

- Ống dẫn ion Q0 cong 90° chỉ dùng RF: dẫn ion đi vào bộ lọc tứ cực và khử nhiễu.
- Bộ lọc tứ cực hiệu suất cao Q1 được trang bị bộ lọc trước và lọc sau; kiểu thiết kế chuyển ion hiệu quả cao mà không dùng thấu kính.
- Hệ thống bơm chân không turbo phân tử 400 Lit/giây, làm mát bằng khí, cho khí mang helium có lưu lượng lên tới 25 mL/phút. **BẢO HÀNH 05 NĂM**

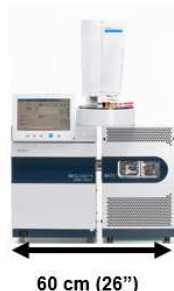
Sắc ký khí khối phổ 01 tứ cực GCMS**436-GC/ SCION SQ Premium****456-GC/ SCION SQ Premium**

- Ống dẫn ion Q0 cong 90° chỉ dùng RF: dẫn ion đi vào bộ lọc tứ cực và khử nhiễu.
- Bộ lọc tứ cực hiệu suất cao Q1 được trang bị bộ lọc trước và lọc sau; kiểu thiết kế chuyển ion hiệu quả cao mà không dùng thấu kính.
- Bơm Turbomolecular hai cấp: có tốc độ hút các cấp 300/ 400 lít / giây, làm mát bằng không khí, tốc độ dòng khí mang tới 25ml/phút. **BẢO HÀNH 05 NĂM**

**Sắc ký khí khối phổ 03 tứ cực GCMSMS****436-GC/ SCION TQ Premium****456-GC/ SCION TQ Premium**

- Kỹ thuật không sử dụng thấu kính tăng hiệu năng trên quét thu phổ trên nhiều phản ứng (MRM). Dễ sử dụng và bảo trì.
- Hệ thống không dùng thấu kính sẽ cho độ truyền qua của các ion lớn hơn; kết quả ổn định và điều chỉnh hệ thống đơn giản hơn.

436-SCION TQ Premium

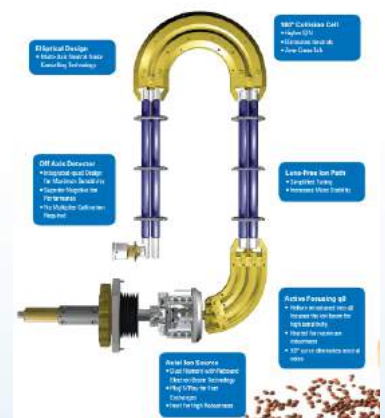


60 cm (26")

456-SCION TQ Premium



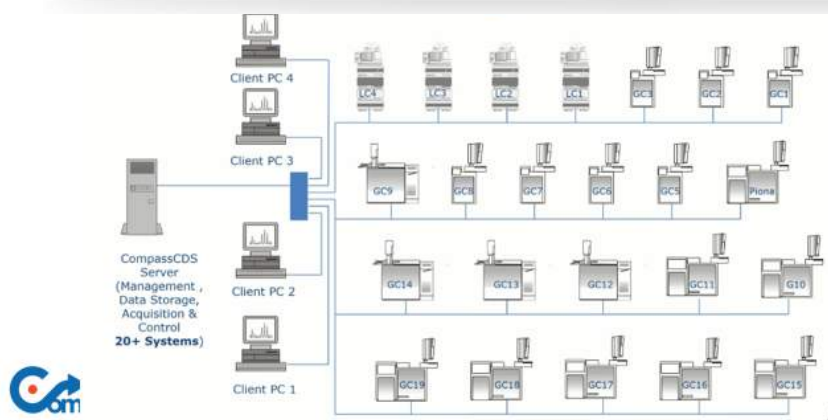
94 cm (37")





Sắc ký lỏng cao áp HPLC LC6000

- Đầu dò: UV – DAD – FL – RI – ELSD
- Hệ thống bơm dung môi :
 - Độ đúng thể tích trộn : $\pm 0.5\%$
 - Hệ thống đổi khí 6 kênh
 - Áp suất bơm cao : 60 Mpa
- Phần mềm điều khiển Compass CDS:
 - Đáp ứng 21CFR11
 - CompassCDS – có thể điều khiển hơn 20+ thiết bị HPLC/ GC của các hãng khác nhau trên 1 serve



Sắc ký GC Phân tích khí, dầu khí, dầu biến thế...

Sắc ký GC với các ứng dụng chuyên dụng

SCION GC-456

- (1) TCVN 3166:2008 (ASTM D 5580-02)
 - (2) TCVN 6703:2010 (ASTM D 3606-07)
 - (3) TCVN 7332:2013 (ASTM D 4815-09)
 - (4) ASTM D3612-02 (2017)
 - (5) ASTM 6228
 - (6) ASTM – D4059, IEC 61619, USEPA 8082
- ... phát hiện PCB (Polychlorinated biphenyls), POPs



- (1) Simulated Distillation (SIMDIST)
- (2) Detailed Hydrocarbon Analysis (DHA)
- (3) Refinery Gases (RGA) | Biodiesel
- (4) Oxygenates
- (5) Natural Gas Analysers (NGA)
- (6) Transformer Oil Gas Analysis (TOGA)
- (7) Benzene & Toluene in Gasoline
- (8) Trace Impurities in Gases
- (9) Sulfur in Gas
- (10) Permanent & Greenhouse Gases

Cột sắc ký khí GC SCION Column

GC-436 | GC-456 | SQ | TQ

- Cột mao quản (Capillary Column)
- Cột Plot Column
- Cột Packed Column
- Cột cho máy GCMS
- Cột theo EPA Method
- Cột theo ASTM method





Hệ phân tích Amino Acid tự động

- Thiết kế dạng modul
- Hệ phân phối Ninhydrine và dung môi được giảm xung bởi 2 bơm 2 piston trượt và hoàn toàn độ
- Bơm:
 - Gradient 4 kênh với tốc độ dòng: 0.01 - 10.0 ml/min
 - Áp suất bơm tối đa 400 bar (6000 PSI)
- Bộ tiêm mẫu tích hợp: Sức chứa 120 vials trong khay lạnh
- Phần mềm phù hợp GLP, FDA 21 CFR part 11; CFDA

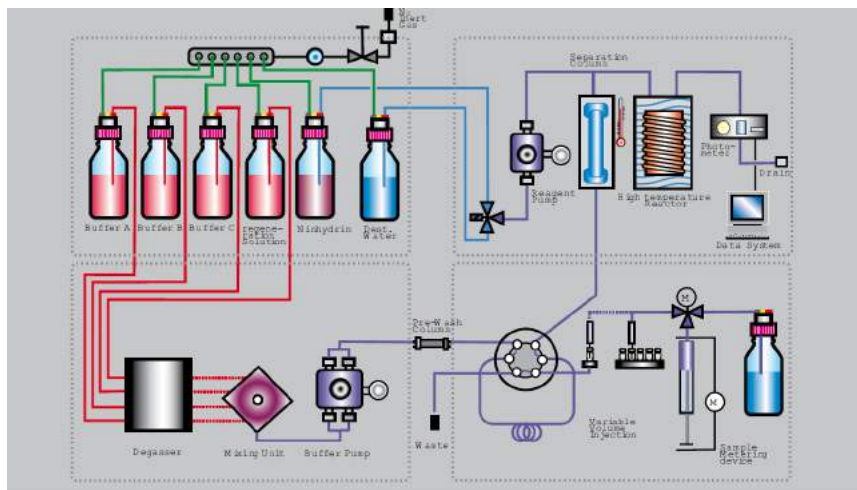
A6400 Solvent Organizer

A6200 Autosampler



A6300 Reaction Uni

A6100 Quaternary Pump



- Thiết kế với 02 hệ chuyên dụng:
 - Hệ chuyên dụng ứng dụng phân tích các mẫu Protein thủy phân (Protein Hydrosylates)
 - Hệ chuyên dụng ứng dụng phân tích các mẫu Sinh lý học (Physiological Hydrosylates)

Bộ tiêm mẫu pha hơi (Headspace)

QUMA – Đức



- Hệ thống lấy mẫu hơi bằng khí và vòng loop giúp đạt được độ lặp lại tốt.
- Van khí và sample loop được gia nhiệt lên đến 350°C
- Số vị trí chứa vial mẫu: 40 vị trí
- Số vị trí ủ mẫu: 12 vị trí
- Nhiệt độ ủ: từ 40°C – 200 °C với bước tăng 1°C
- Tích hợp lắc mẫu trong lúc ủ
- Kích thước vial: Loại Vial tiêu chuẩn 10 hoặc 20 ml
- Thể tích Loop mẫu: tiêu chuẩn 1 ml có thể lựa chọn thể tích khác



Bộ Headspace tự động và tiêm mẫu lỏng



HTA – Ý

- Bộ kết hợp giữa tiêm mẫu lỏng và headspace
- Số vị trí Bộ headspace tự động và tiêm mẫu lỏng HT2800T:
 - o Headspace: 42 vial 20ml, lựa chọn thêm 6, 10ml
 - o Mẫu lỏng: 121 vial 2ml
- Quá trình được điều khiển bằng phần mềm hoặc các phím vật lý trực tiếp trên thân Autosampler
- Sử dụng chung cho cả 03 buồng tiêm mẫu với 1 tháp lấy mẫu đơn
- Có các chế độ tiêm mẫu lỏng, mẫu khí, SPME, gia nhiệt
- Phù hợp với buồng tiêm mẫu với các chế độ tiêm khác nhau: chia dòng/ không chia dòng; tiêm trên cột; tiêm có chương trình nhiệt hóa hơi (injecto Split/ Splitless, On column, PVT)
- Phương pháp tiêm Syringe piston
- Có chương trình rửa kim tự động





Bộ giải hấp nhiệt Thermo Desorption TD

- Bộ giải hấp nhiệt CDS có các model:
 - (1) bộ giải hấp ống đơn model: CDS 9300
 - (2) bộ giải hấp ống đơn lấy mẫu gần thời gian thực model: CDS 9305
 - (3) bộ giải hấp ống đôi lấy mẫu liên tục model: CDS 9350
 - (4) bộ giải hấp với bộ lấy mẫu tự động (model CDS 7500 và CDS 7500S)
- Có thể kết nối với túi Tedlar, bóng thủy tinh (*glass bulb*) và Canister Summa

- Tương thích với một trong các ống giải hấp nhiệt:

- Ống CDS Dynatherm 6 mm OD X 4.5" L
- Ống Fast Flow CDS Dynatherm 10 mm OD X 4.5" L
- Ống Perkin Elmer & Markes 1/4" OD X 3.5" L
- Ống Tekmar 1/4" OD X 7" L
- Ống VOST 16 mm OD X 5" L



Thermal Desorption Series	
 CDS 9300 CDS's base model instrument for single tube desorption. Read More	 CDS 9305 Near-real time sampling Thermal Desorption system. Read More
 CDS 9350 CDS 9350 supports continuous real time air monitoring through a dual tube setup. Read More	 CDS 7500 72 position autosampler for 9300 family improve productivity and efficiency. Read More
 CDS 7500S Stand-alone 72 position Thermal Desorption system Read More	 Tube Conditioner CDS's single and six tube conditioners are essential accessories for your analysis. Coming Soon

Bộ làm giàu mẫu Purge & Trap

(1) P&T cho mẫu lỏng Model: CDS-7000E

- Kích thước bộ trap: 0.3 cm OD x 28.5 cm length
- Đáp ứng từ VOC trong EPA 8260 đến sVOC

(2) Bộ Purge & Trap cho mẫu lỏng và kết hợp bộ CTC PAL Robotic systems; Model: CDS-7000C

- Bộ Purge & Trap CDS-7000C có các tính năng như bộ CDS-700E nhưng có thiết kế cho kết nối với bộ CTC PAL Robotic systems

(3) Bộ Purge & Trap cho mẫu rắn + Bộ Autosampler cho mẫu lỏng và rắn (nâng cấp với CDS-7000E); Model: CDS-7450

- Có 72 vị trí với chức năng lấy mẫu Headspace động cho các phương pháp EPA 524, 624 và 8260 (cả nước và đất); kết hợp với bộ CDS 7000E

(4) Bộ sample concentrator cho mẫu lỏng; Model: CDS-8000

- Bộ CDS 8000 sample concentrator cho phép Pyrolysis, Purge & Trap, Dynamic Headspace, và Thermal Desorption trong một thiết bị
- Phù hợp cho mẫu lỏng

Purge & Trap Series	
 CDS 7000E CDS's reliable Purge and Trap concentrator Read More	 CDS 7000C World's best Purge and Trap tool for CTC PAL autosamplers Read More
 CDS 7350 CDS's 2nd generation Purge and Trap autosampler (water only) with improved precision Read More	 CDS 7450 CDS's 2nd generation Purge and Trap autosampler for both water and soil samples Read More
 CDS 8000 CDS's most versatile three-in-one unit for Purge and Trap, Thermal Desorption Coming Soon	More Products Coming Soon...



Bộ nhiệt phân Pyrolysis

(1) Bộ nhiệt phân Pyrolysis Model: CDS-4000

- Model 4000 Pyroprobe có giá cả kinh tế, thiết kế có cổng phun trực tiếp giúp vận hành và cài đặt đơn giản, chỉ cần mất ít phút cho kết nối với máy sắc ký khí GC

(2) Bộ nhiệt phân Model: CDS 6150

- Bộ nhiệt phân với 10 bước chương trình nhiệt độ

(3) Bộ nhiệt phân Model: CDS 6200

- CDS 6200 Pyroprobe thêm vào bộ phân tích bằng phương pháp nhiệt phân với tốc độ chậm.

- CDS 6200 cũng cho phép nhiệt phân trực tiếp trong khí mang GC.

(4) Bộ nhiệt phân Pyrolysis Model: CDS 5200 HPR

- CDS HPR Pyroprobe cho phép nghiền cứu cả nhiệt độ và áp suất cao trong môi trường vi mô, kết quả được đưa trực tiếp đến GC/MS.
- Được xây dựng trên nền tảng 5200 với bộ điều chỉnh áp suất và lớp xúc tác được gia nhiệt. Các mẫu có thể được nhiệt phân ở mức tối đa 500 PSI (3400 kPa), được đưa qua lớp xúc tác có thể lựa chọn của người dùng và thu vào bình tích hợp.



CDS 4000
CDS's most cost effective single temperature Pyroprobe.

[Read More](#)



CDS 6150
CDS's 6th Generation Pyroprobe with up to 10 programmed temperature steps.

[Read More](#)



CDS 6200
CDS's 6th Generation Pyroprobe with trapping capabilities for reactant gas apps.

[Read More](#)



DISC Module
CDS's DISC module provides the easiest way to load your pyrolysis sample.

[Read More](#)



Autosampler Module
CDS's autosampler module with Dynamic Loading to improve productivity for any 6000 series pyroprobe.

[Read More](#)



CDS HPR
CDS's HPR Pyroprobe allows pyrolysis at elevated pressure with built-in reactor.

[Read More](#)



Máy đo tổng Carbon TOC, có khả năng đo online & offline miniTOC

- DIN / EN 1484 TOC trong nước
- USP <643>, TOC trong nước dược phẩm
- Ph. Eur. 2.2.44 TOC trong nước dược phẩm
- Tuân thủ 21 CFR phần 11 (tùy chọn)
- Phạm vi hoạt động: 0,5 đến 1000 ppb
- Độ phân giải màn hình: 0,1 ppb



Máy sắc ký Ion IC (Anion và Cation) IONUS

- Phân tích Anion: F⁻, Cl⁻, Br⁻, NO₂⁻, NO₃⁻, PO₄³⁻, SO₄²⁻—silicate trong nước hoặc phân tích theo EPA với kỹ thuật loại bỏ nhiễu / không loại bỏ nhiễu;
- Phân tích Cation: các kỹ thuật cho phân tích NH₄⁺, Li⁺, Na⁺, K⁺, Ca²⁺, Mg²⁺
- Dẫn xuất: tùy chỉnh dẫn xuất sau cột, cho mức phát hiện thấp chỉ tiêu bromate/ các kim loại chuyển tiếp;



**Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS****Model: XplorAA**

- Hệ quang học 02 chùm tia
- Cách tử: 1800 vạch/nm
- Mâm lựa chọn 02 đèn hoặc 06 đèn
- Dải bước sóng: 175 – 900nm
- Tùy chỉnh khe phổ liên tục trong khoảng 0.1 - 2.0 nm; bước chuyển 0.1 nm
- Hệ thống ngọn lửa – có thể nâng cấp mở rộng:
- Hệ thống lò Graphite
- Hệ thống Hydrid với gia nhiệt bằng điện và bộ làm giàu mẫu Hg

Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS**Model: Savant AA Sigma**

- Hệ quang học 02 chùm tia
- Cách tử: 1800 vạch/nm
- Mâm: 08 đèn
- Dải bước sóng: 175 – 900nm
- Tùy chỉnh khe phổ liên tục trong khoảng 0.1 - 2.0 nm; bước chuyển 0.1 nm
- Công nghệ hiệu chỉnh đường nền nhanh siêu xung (Fast Hyper Pulse) trong dải phổ 175 – 423 nm, với độ hấp thụ lên 2.5A
- Có chuẩn 01 vị trí nguồn cấp cho đèn năng lượng cao

Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS**Model: Savant AA**

- Hệ quang học 02 chùm tia
- Cách tử: 1800 vạch/nm
- Mâm: 08 đèn
- Dải bước sóng: 175 – 900nm
- Tùy chỉnh khe phổ liên tục trong khoảng 0.1 - 2.0 nm; bước chuyển 0.1 nm
- Công nghệ hiệu chỉnh đường nền nhanh siêu xung (Fast Hyper Pulse) trong dải phổ 175 – 423 nm, với độ hấp thụ lên 2.5A
- Lựa chọn thêm:
- 01 vị trí nguồn cấp cho đèn năng lượng cao (super lamp)
- chức năng ESV với video màu quan sát quá trình nguyên tử hóa trên lò và ngọn lửa thời gian thực
- Tự động nhận diện coded đèn cho cả đèn HCL và đèn năng lượng cao Super lamp
- Hệ thống ngọn lửa – có thể nâng cấp mở rộng:
- Hệ thống lò Graphite
- Hệ thống Hydrid với gia nhiệt bằng điện và bộ làm giàu mẫu Hg

Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS**Model: Savant AA Z Enduro**

- Hệ quang học 02 chùm tia
- Cách tử: 1800 vạch/nm
- Mâm: 08 đèn
- Chế độ lò graphite (GF-AAS) bổ chính nền bằng hiệu ứng Zeeman; cường độ từ trường 0.6-1.1 Tesla; bước 0.1 Tesla nhằm tạo ra độ nhạy và độ chính xác cao nhất.
- Điều chỉnh độ rộng khe đo liên tục trong khoảng 0.1 tới 2.0 nm (theo bước thay đổi 0.1nm)



(super lamp) – options: 04 vị trí

- Chức năng điều chỉnh đầu đốt bằng bộ truyền động motor
- Chức năng ESV với video màu quan sát quá trình nguyên tử hóa trên lò và ngọn lửa thời gian thực
- Tự động nhận diện coded đèn cho cả đèn HCL và đèn năng lượng cao Super lamp
- Hệ thống ngọn lửa – có thể nâng cấp mở rộng:
- Hệ thống lò Graphite
- Hệ thống Hydrid với gia nhiệt bằng điện và bộ làm giàu mẫu Hg

Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS hệ lò ngọn lửa – hydrid, model: GEMINAA



- Hệ thống bao gồm ngọn lửa và lò graphite chuyển đổi tự động bằng phần mềm
- Mâm đèn 06 vị trí; Hiệu chỉnh nền Deuterium
- Điều khiển EHT tự động; Kiểm soát lưu lượng khí điện tử
- Bộ lấy mẫu tự động đa năng cho ngọn lửa và phân tích lò (bao gồm)
- Bộ Hydrid với công nghệ phân tích dòng liên tục; gia nhiệt bằng điện lên đến 1000
- Dải bước sóng: 190 ~ 900 nm
- Bộ khuếch đại đơn sắc Czerny-Turner Grating
- Độ lặp lại bước sóng: $\leq 0,05$ nm
- Bước sóng chói (blaze wavelength): ≥ 250 nm
- Độ phân giải: tốt hơn 0,1 nm
- Khô phổ tự động chuyển đổi giữa 5 mức: 0,1, 0,2, 0,4, 1,0, 2,0 nm
- Độ chính xác bước sóng: $\pm 0,1$ nm
- Cách tử: 1800 vạch/ mm

Bộ Hydrid HG3000

- Gia nhiệt bằng điện
- Có bộ Bộ cô làm giàu mẫu mẫu cho phân tích Hg



- Chức năng nhận diện mã code cho cả đèn HCL thường và đèn HCL năng lượng cao Super lamp
- Tích hợp nguồn đèn năng lượng cao Superlamp cho một vị trí đèn (lựa chọn thêm với 04 vị trí đèn)
- Hệ thống được cải tiến cho phép đo trên 1400 lần đốt trên mỗi ống graphite và giá trị % RSD thấp
- Tích hợp camera quan sát quá trình nguyên tử hóa trong lò

Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS hệ lò ngọn lửa – hydrid, model: GEMINAA



- Hệ thống bao gồm ngọn lửa và lò graphite chuyển đổi tự động bằng phần mềm
- Bên cạnh chế độ bổ chính nền bằng đèn D2, Enduro T2100 còn được trang bị thêm phương pháp bổ chính nền bằng hiệu ứng Zeeman với cường độ từ trường có thể điều chỉnh được
- Công nghệ lò Graphite gia nhiệt ngang với các chế độ hiệu chỉnh nền Zeeman theo chiều dọc và đèn Deuterium cho phép người dùng chọn chế độ thích hợp
- Bộ điều khiển khí cho ngọn lửa có thể lập trình được (Programmable gasbox).
- Tháp đèn: Tháp đèn 8 vị trí với 01 vị trí đèn superlamp (options: 04 vị trí)
- Dải bước sóng: 190 - 900 nm.
- Khe phổ : có thể lựa chọn 0,1, 0,2, 0,4, 1,0, 2,0 nm



Máy quang phổ phát xạ Plasma khép khối phổ ICP-

MS Model: OptiMass 9600

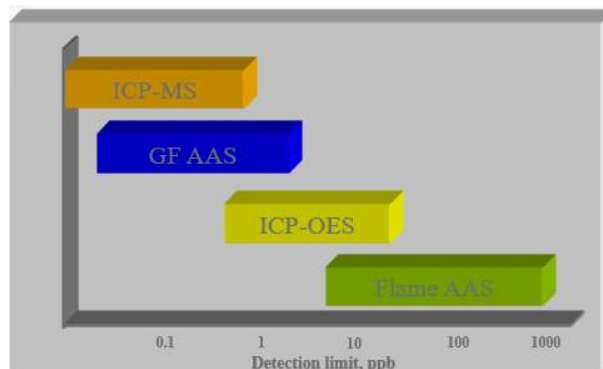
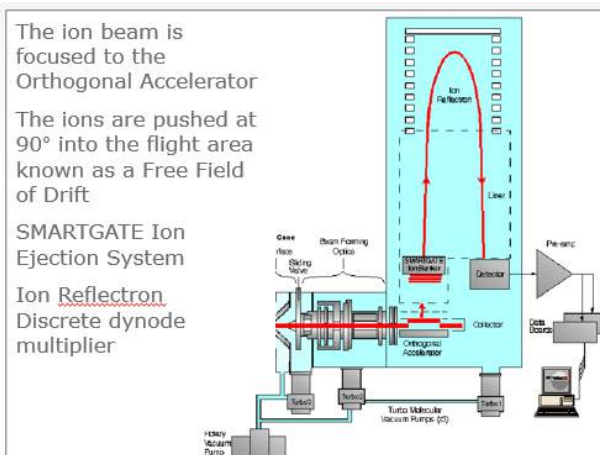
OptiMass 9500

- OptiMass 9600 là một hệ thống tối ưu có thể bao quát cả phân tích sàng lọc truyền thống và phân tích thông thường thông qua cắt laser (laser ablation), lò than chì, kết nối với sắc ký lỏng. Hệ thống có tốc độ phân tích phù hợp kết hợp với bất kỳ loại phân tích diễn ra trong thời gian cực ngắn.
- Hệ thống ICPMS theo công nghệ thời gian bay (TOF- Time of flight) của hãng GBC cho tốc độ quét phổ cực nhanh, có khả năng quét lên đến 30.000 phổ toàn dãy khối (1amu đến 260 amu) tương đương 0.033ms cho 1 lần quét, gấp khoảng 3000 lần so với tốc độ quét của hệ tứ cực thông thường (khoảng 100ms). Giúp giảm thời gian đo mẫu trung bình 5 lần so với hệ thống ICP-MS tứ cực thông thường (ví dụ thời gian lấy tín hiệu đối với hệ thống tứ cực khi đo 20 nguyên tố cần khoảng 180 giây, hệ thống của GBC chỉ cần 25 giây cho tất cả các nguyên tố).
- Lượng khí tiêu thụ cho hệ thống plasma thấp hơn nhiều so với hầu hết các hệ thống khác, chỉ khoảng 12L/phút, điều này giúp giảm chi phí vận hành đến mức thấp nhất.
- Việc giảm thời gian đo và lượng khí tiêu thụ giúp giảm chi phí vận hành xuống 5 đến 10 lần so với hệ thống ICP-MS khác (bao gồm phụ kiện tiêu hao, bảo trì bảo dưỡng, chi phí nhân công, tiêu hao khí Argon)
- Hệ thống có khả năng phân tích lên đến 120 mẫu trong 1 giờ. Thời gian phân tích ngắn cũng làm giảm lượng mẫu cần cho một lần phân tích.
- Công nghệ MS TOF cho độ phân giải lên đến hơn 1200 cho 238U tương đương 0.4 amu. Giúp các khối tách nhau hoàn toàn và cho độ chính xác đồng vị đến 0.02%.

Máy quang phổ phát xạ Plasma ICPOES

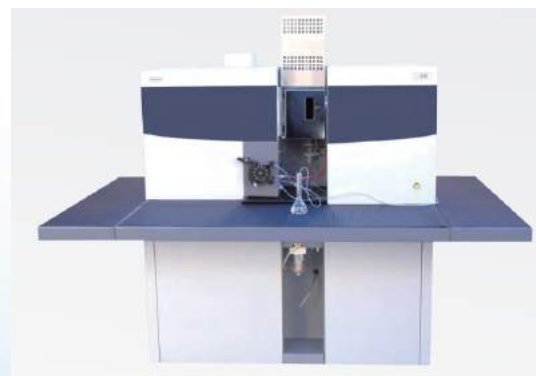
QUANTIMA

- Quantima cung cấp nhiều tính năng cải tiến mới bao gồm camera quan sát Plasma (plasma Cam) và PIP. PIP được cấp bằng sáng chế (Plasma Integrity Protection) làm giảm đáng kể việc cháy ngược plasma vào ống đốt, tránh torch bị tan chảy, hư hỏng. Cam plasma cho phép dễ dàng xem từ màn hình PC.
- Hệ thống sử dụng tiêu thụ Argon cực thấp (khoảng 11L/phút đối với mẫu nước), là ICP-OES có lượng tiêu thụ Argon thấp nhất hiện nay



Máy quang phổ phát xạ Plasma ICPOES

INTEGRA 6000

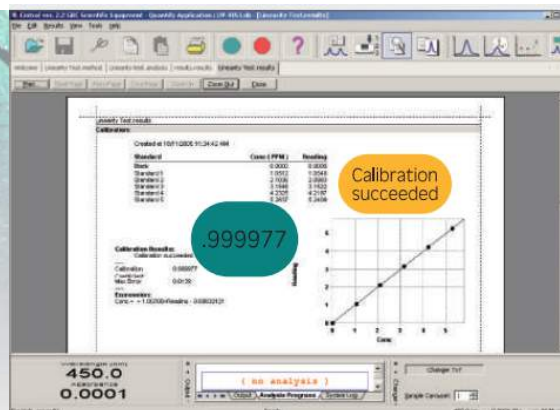




- Tần số 40.68MHz; Cách tử: 1800 vạch/mm
- Bộ đơn sắc Czerny-Turner với tiêu cự 0.75m ổn định nhiệt độ ở 35°C nhằm loại bỏ độ trôi (drift) do sự thay đổi của nhiệt độ phòng.
- Với hơn 32.000 bước sóng để lựa chọn và đảm bảo độ phân giải 4pm (với lựa chọn cách tử 2400 vạch/mm), Quantima cho phép phân tích các nền mẫu phức tạp.

- Hệ thống quang học hiệu năng cao
 - Không giới hạn lựa chọn bước sóng
 - Độ nhạy cao, độ phân giải cao, độ ổn định cao, độ lặp lại cao
 - Chức năng tự động tối ưu hóa vị trí thu nhận ánh sáng nguyên tố từ plasma với khoảng tối ưu đến 20mm phía trên cuộn cảm.
 - Đầu dò kép R7154 cho vùng UV và R928 cho vùng khả kiến. Tối ưu hóa độ đáp ứng của detector kép
 - Dải tuyến tính rộng đến bậc 8 (10^8)
 - Hệ thống quang với ít thành phần cấu thành tránh làm mất năng lượng ánh sáng ở mức tối thiểu, đảm bảo độ nhạy cao nhất
- Bộ đơn sắc Czerny-Turner với độ dài tiêu cự 0,75 m; ổn nhiệt. Hệ thống có độ ổn định và độ chính xác cao nhờ lựa có chức năng ổn nhiệt độ chính xác cho độ đơn sắc, nhằm loại bỏ độ trôi (drift) do sự thay đổi của nhiệt độ phòng
- Cách tử: 1800 vạch/mm, cho dải phổ từ 160-800 nm và độ phân giải đến 6 pm

Quang phổ tử ngoại khả kiến UVVIS



CINTRA 1010

- Hệ quang hai chùm tia, ghi tỉ lệ trực tiếp
- Nguồn sáng: Đèn Tungsten và D2
- Dải: 190-1,100 nm
- Khe phổ 1.5nm
- Tốc độ quét: 60 – 3.200nm/ phút
- Đầu dò: Silicon Photodiode
- Độ lạc ánh sáng : <0.02%T

CINTRA 2020

- Hệ quang hai chùm tia, ghi tỉ lệ trực tiếp
- Nguồn sáng: Đèn Tungsten và D2
- Dải: 190-1,200 nm
- Khe phổ 1.5nm
- Tốc độ quét: 5 – 10.000nm/ phút
- Đầu dò: Silicon Photodiode
- Độ lạc ánh sáng :
- Tại 220 nm (10g/L)

CINTRA 3030

- Hệ quang hai chùm tia, ghi tỉ lệ trực tiếp
- Nguồn sáng: Đèn Tungsten và D2
- Dải: 190-900 nm
- Khe phổ: thay đổi 0.2- 5nm với bước chuyển: 0.1nm
- Tốc độ quét: 5 – 10.000nm/ phút
- Đầu dò: nhân quang R928

CINTRA 4040

- Hệ quang hai chùm tia, ghi tỉ lệ trực tiếp
- Nguồn sáng: Đèn Tungsten và D2
- Dải: 190-900 nm
- Khe phổ: thay đổi 0.2- 2nm với bước chuyển: 0.1nm
- Tốc độ quét: 5 – 10.000nm/ phút
- Đầu dò: nhân quang R928

• Tại 220 nm (10g/L NaI): <0.0001%T • Tại 340 nm (50g/L NaNO₂): <0.0009%T - Độ chính xác bước sóng: ± 0.16 nm - Độ lặp lại bước sóng: ± 0.05 nm - Độ chính xác quang: ±0.001A - Khối lượng: 42kg	• Tại 220 nm (10g/L NaI): <0.0001%T • Tại 340 nm (50g/L NaNO₂): <0.0009%T - Độ chính xác bước sóng: ± 0.01 nm - Độ lặp lại bước sóng: ± 0.019nm - Độ chính xác quang: ±0.0004A - Khối lượng: 42kg	- Độ lạc ánh sáng : • Tại 220 nm (10g/L NaI): <0.00077%T • Tại 340 nm (50g/L NaNO₂): <0.00008%T - Độ chính xác bước sóng: ± 0.01 nm - Độ lặp lại bước sóng: ± 0.019nm - Độ chính xác quang: ±0.0003A - Khối lượng: 42kg	- Độ lạc ánh sáng : • Tại 220 nm (10g/L NaI): <0.00003%T • Tại 340 nm (50g/L NaNO₂): <0.000005%T - Độ chính xác bước sóng: ± 0.01 nm - Độ lặp lại bước sóng: ± 0.018nm - Độ chính xác quang: ±0.0001A - Khối lượng: 42kg
--	---	--	---

Máy quang phổ nhiễu xạ tia X XRD

Model: EMMA

- Có 2 chế độ quét góc Theta-2Theta geometry hoặc Theta-Theta geometry
- Chiếu xạ liên tục với các khe tự động điều khiển bằng động cơ
- Phân tích với nhiều kích thước mẫu
- GBC Emma là thiết bị nhiễu xạ bột tia X với hiệu suất ngang bằng với bất kỳ thiết bị nào hiện có.
- Emma có bán kính (250 mm) đạt được độ phân giải góc cao cần thiết để tách các peak gần nhau.
- **Bộ tạo X-Ray:** Loại: Medium Frequency, loại IGBT, 3kW, 60 kV, 80 mA, độ ổn định 0,005% khi điện áp nguồn thay đổi 10%.
- **Ống X-Ray:** loại Glass Envelope
 - Chuẩn Cu Long-Fine Focus (0.4 x 12 mm)

- Anodes Cu, Co, Cr, Fe
- Nguồn 2.2kW cho Cu



Chuẩn độ điện thế Hiranuma – Nhật Bản

- Màn hình cảm ứng 7.5 inch (model: COM-1700A)
- Chuẩn độ Potentiometric: chuẩn độ acid/base, chuẩn độ oxy hóa khử (redox titrations), chuẩn độ kết tủa (precipitation titrations), chuẩn độ phức (compleximetric titrations), chuẩn độ Photometric

Chuẩn độ Coulometric Karl Fischer model: AQ-2200A

- Kiểu chuẩn độ Coulometric Karl Fischer Titration
- Có gắn 02 trạm KF
- Dải đo: 10µgH₂O
- 99mgH₂O
- Hiển thị: µgH₂O, ppm, %
- Độ chính xác: 0.3%



Chuẩn độ Volumetric Karl Fischer AQV-2200A

- Kiểu chuẩn độ Volumetric
- Karl Fischer Titration



titration

- Buret: 20 ml (chuẩn); lựa chọn thêm buret: 1ml, 5ml, 10ml, 50ml
- Độ chính xác buret: $\leq \pm 0.1\%$ Độ lặp lại buret: ≤ 0.01 mL

- Có gắn 02 trạm KF

- Dải đo: 0.1mgH₂O – 500mgH₂O (phù hợp dải: 10ppm – 100%)



Máy quang phổ UVVIS 02 chùm tia

Model: DS5

- 02 chùm tia; 190 – 1100nm
- Khe hay đổi: 0.5 nm, 1 nm, 1.5 nm, 2 nm, 4 nm
- Màn hình cảm ứng 7"
- Ánh sáng lọc: $\leq 0.10\%$ (220 nm NaI, 340 nm NaNO₂)
- Độ chính xác bước sóng: ± 0.1 nm
- Độ lặp lại bước sóng: ± 0.1 nm



Máy quang phổ huỳnh quang Spectrofluorometer

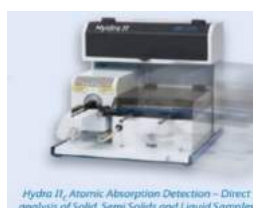
Model: FS5

- Đo mẫu: lỏng – rắn – bột
- Nguồn: 150 W CW Ozone-free xenon arc lamp
- Bộ đơn sắc: Czerny-Turner
- Dải bước sóng kích thích: 230 nm -1000 nm
- Dải bước sóng phát xạ: 230 nm - 870 nm
- Độ chính xác bước sóng: ± 0.5 nm
- Tốc độ quét: 100 nm/s



Máy phân tích Hg cho mẫu lỏng, mẫu rắn, mẫu bán rắn Hydra IIAAC

- Máy phân tích thủy ngân Hg với giới hạn phát hiện thấp: 1ppt với dải động học rộng từ ppt đến ppm
- Hệ thống phát hiện với công nghệ 02 chùm tia (dual beam)
- Chế độ đo các Hydro Carbon bay hơi VHC. Lựa chọn thêm bộ Autosampler 70 vị trí



Máy phân tích Hg cho mẫu lỏng Hydra IIAA

- Giới hạn phát hiện thấp: 1ppt với dải động học rộng từ ppt đến ppm

- Hệ thống phát hiện với công nghệ 02 chùm tia
- Kết cấu cell quang 30cm phân tích ổn định và độ nhạy cao
- Đáp ứng phương pháp: EPA 245.1, 245.7, 1631, 7470, 7471A

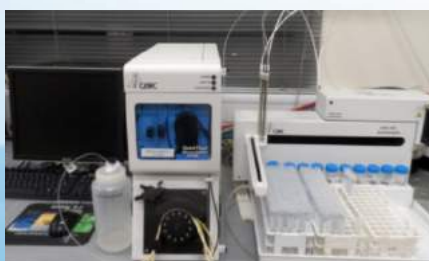


- Phân tích tự động
- Giới hạn phát hiện: 1ppt
- Dải động học: 1ppt – 1ppm
- Độ chính xác ngắn hạn: 0.2 – 0.5% @ 0.5 ppb/ Độ chính xác dài hạn: < 1% @ 0.5 ppb
- Thời gian phân tích trung bình: 1 phút/ mẫu



Máy phân tích Hg dạng vết (0.5 ng/L – 500 µg/L)

QuickTrace® M-7600



Máy phân tích Hg dạng vết (0.05 ng/L – 400 µg/L)

QuickTrace M-8000



- Máy có kỹ thuật hấp thu hóa hơi lạnh (CVAA) cho giới hạn phân tích dạng vết <0.5 ng/L theo EPA method 245.7.
- Bơm nhiều động 4 kênh, 12 roller
- Lượng thể tích mẫu: 0.5 mL đến > 20 mL
- Phân tích mẫu nhanh <60s/ mẫu

- Kỹ thuật hấp thu huỳnh quang hóa hơi lạnh (CVFA) cho giới hạn phân tích dạng vết <0.05 ng/L theo EPA method 1631
- Giới hạn phát hiện: < 0.05 ng/L IDL
- Dải tuyến tính bậc 4
- Dải động học: < 0.05 ng/L - > 400 µg/L

Máy phân tích TOC/ phương pháp đốt

TORCH

- Oxy hóa ở nhiệt độ cao: 680 – 1000°C
- Đầu dò TOC: NDIR với công nghệ SPC
- Các chế độ đo: TOC (NPOC), TC-IC, TC, IC
- Các thông số phân tích:
 - Giới hạn phát hiện: 50ppb
 - Nồng độ đo cực đại: 30000 ppb
 - Carryover: ≤1%
 - Lượng mẫu: 100µl – 2ml
- Độ chính xác: ≤1.5% RSD, ±5ppb

Torch



Máy đo tổng Cacbon TOC theo phương pháp UV/ Persulfate

FUSION

- Kỹ thuật hoá ướt UV với persulfate có sự hiện diện của bức xạ UV mạnh → giải phóng Cacbon
- Kỹ thuật độc quyền “Áp lực tĩnh tập trung SPC” → cho độ nhạy cao với đầu dò NDIR
- Dải đo: 0.2ppb ÷ 4,000ppm | Giới hạn đo: 0.2 ppb
- Carryover: = 1.0% nhiễm chéo | Độ chính xác: 1.0% RSD, +/-2ppb hoặc +/- 0.02µgC, thông thường ở giữa dải chuẩn



Máy đo tổng cacbon TOC cho mẫu rắn/ mẫu lỏng

LOTIX



- Thiết bị kết nối với PC để điều khiển
- Phân tích đầy đủ, tự động và đồng thời xác định TC (tổng hàm lượng carbon), TOC (tổng hàm lượng carbon hữu cơ), NPOC, TIC (tổng hàm lượng carbon vô cơ), POC (tổng hàm lượng lân hữu cơ có tính lọc)
 - Phân tích mẫu rắn với bộ OPTIONS LSS
 - Tích hợp bộ lấy mẫu tự động :
 - Phù hợp cho lọ VOA thể tích 30 – 40ml (28x95mm)
- Tích hợp 30 vị trí với thiết kế kiểu băng chuyền

Bộ hóa hơi lạnh Hydrid cho máy ICP/ ICPMS

HGX-200

- **HGX-200 Hydride Generation / Cold Vapor System:** là thiết bị chuẩn bị mẫu chuyên dụng để tạo ra các loại hydride dễ bay hơi hoặc khử thủy ngân thành Hg₀ (hơi lạnh) trước khi đưa vào hệ thống ICP-AES hoặc ICP-MS. Các nguyên tố hình thành hydride bao gồm **As, Bi, Ge, Pb, Sb, Se, Sn và Te.**
- **HGX-200 Hydride Generation / Cold Vapor System:** có thể sử dụng lắp đặt với các hãng ICP như Thermo, Analytik Jena, Agilent, Perkin Elmer, Teledyne Leemanlab



Máy quang phổ hồng ngoại FTIR

MB3000

- Dải phổ từ 8,500 cm⁻¹ đến 485 cm⁻¹

Máy quang phổ cận hồng ngoại FTNIR

MB3600

- Dải phổ với đầu dò DTGS: 3,700 đến 15,000 cm⁻¹

- Độ chính xác: $\pm 0.06 \text{ cm}^{-1}$ (tại tần số 1918 cm^{-1})
- Độ lặp: $\pm 0.001 \text{ cm}^{-1}$ (tại tần số 1918 cm^{-1})
- Độ phân giải: $< 0.7 \text{ cm}^{-1}$
- Độ ổn định nhiệt độ: $< 1\% / ^\circ\text{C}$
- Tỷ lệ tín hiệu/độ nhiễu: **50.000 : 1 (4 cm^{-1} , 60 s)**



- Dải phổ với đầu dò InAs 3,700 đến 12,000 cm^{-1}
- Dải phổ với đầu dò InGaAs 3,900 đến 11,000 cm^{-1}
- Độ phân giải: $< 0.7 \text{ cm}^{-1}$
- Tỷ lệ S/N với DTGS detector: $> 100\,000:1$
- Tỷ lệ S/N với InAs detector: $> 500\,000:1$
- Tỷ lệ S/N với InGaAs detector: $> 600\,000:1$



Máy quang phổ RAMAN cầm tay – Wifi; Barcode reader

Serstech-Arx+ | Serstech 100 indicator

- Không có vật tư tiêu hao, không cần hiệu chuẩn lại từ nhà máy, không có phí bảo trì
- Pin sử dụng liên tục khoảng 08 giờ
- Tạo thư viện và thêm các chất của thư viện
- Phát hiện nhiều thành phần
- Các dấu hiệu chỉ dẫn PASS/ FAIL rõ ràng để xác minh rất dễ hiểu cho cả những người dùng không có chuyên môn kỹ thuật
- Serstech Arx + giới thiệu SharpEye™ - công nghệ lấy nét tự động đã được cấp bằng sáng chế cho các thiết bị Raman cầm tay.
- Serstech Arx+ i phù hợp Title 21 CFR part 11 và được trang bị một đầu đọc mã vạch tích hợp giúp bạn có thể gắn một phép đo vào một thùng chứa bằng cách quét mã vạch hoặc mã QR. Đặc biệt phát triển cho ngành Dược.



- Bước sóng Laser kích thích: 785nm
- Công suất đầu ra nguồn Laser có 03 mức, cực đại 300mW
- Dải phổ rộng cực đại: 400 cm^{-1} đến 2 300 cm^{-1}
- Độ phân giải phổ: 8-10 cm^{-1}
- Loại đầu dò: loại tuyến tính Linear CCD Array
- Màn hình hiển thị màu cảm ứng nền LED 5" TFT
- Bộ nhớ lưu đến 1000 kết quả đo (16 GB)
- Định dạng tệp formats: Text; .txt, .csv, .jcamp
- Kết nối cổng USB 2.0. Wi-Fi và Ethernet (options).



Hệ thống chưng cất đạm – Phá mẫu

- Bộ phá mẫu 06 – 12 – 20 vị trí ống 250ml hoặc 100ml
- Chưng cất đạm tự động/ bán tự động
- Tích hợp bộ hút hơi độc và trung hòa
- Thiết kế với bộ điều khiển rời độc lập



Bộ chiết dung môi/ béo theo phương pháp Soxhlet 02 vị trí/ 06 vị trí

- Dải nhiệt độ làm việc: 90 - 340 $^{\circ}\text{C}$
- Độ thu hồi dung môi: 60 - 80%
- Lượng dung môi sử dụng/ mẫu: tới 50ml
- Chương trình bộ nhớ: 16
- Thời gian chiết "boiling": 0 - 99 phút



Bộ chiết xơ fiber 04/ 06 vị trí Dosi-Fiber

- Lượng mẫu cho quá trình chiết xơ: 0.5 - 3g (thường sử dụng 1g)
- Độ lặp lại: $\pm 1\%$ khi mức độ xơ trong khoảng 5 - 30%
- Dải đo: 0.1 ~ 100%
- Lượng nước lạnh tiêu thụ: 1 LPM





Cân phân tích 04 số lẻ PB 220A SCS

- Là dòng cân chuẩn nội
- Khả năng cân: 220 g
- Khả năng đọc: 0.1mg
- Độ tuyến tính: 0.2 mg
- Kích thước đĩa cân: Ø90 mm



Cân phân tích 03 số lẻ PB 620M

- Là dòng cân chuẩn nội
- Khả năng cân: 620 g
- Khả năng đọc: 1mg
- Độ tuyến tính: 1.5 mg
- Kích thước đĩa cân: Ø120 mm



Cân kỹ thuật 02 số lẻ PB 2200C

- Là dòng cân chuẩn nội
- Khả năng cân: 2200 g
- Khả năng đọc: 0.01 g
- Độ tuyến tính: 15mg
- Đĩa cân: 186 x 186mm



Cân phân tích 04 số lẻ, audit trail, màn hình cảm ứng 5" PT 220A SCS

- Chuẩn nội, màn hình cảm ứng 5"
- Khả năng cân: 220 g
- Khả năng đọc: 0.1mg
- Độ tuyến tính: 0.2 mg
- Kích thước đĩa cân: Ø90 mm



Cân phân tích 03 số lẻ, audit trail, màn hình cảm ứng 5"; PT 620M

- Chuẩn nội, màn hình cảm ứng 5"
- Khả năng cân: 620 g
- Khả năng đọc: 1mg
- Độ tuyến tính: 1.5 mg
- Kích thước đĩa cân: Ø120 mm



Cân kỹ thuật 02 số lẻ, audit trail, màn hình cảm ứng 5"; PT 2200C

- Chuẩn nội, màn hình cảm ứng 5"
- Khả năng cân: 2200 g
- Khả năng đọc: 0.01 g
- Độ tuyến tính: 15mg
- Đĩa cân: 186 x 186mm



Cân bán vi lượng 5 số ES 225SM-DR

- Khả năng cân: 102 g / 225 g
- Độ đọc: 0.01 mg / 0.1 mg
- Độ lặp lại: 0.02 mg ≤ 40 g;
0.05 mg > 40 mg
- Đĩa cân: Ø 80 mm



Cân sấy ẩm 03 số lẻ XM 50

- Nguồn gia nhiệt : Halogen
- Khả năng cân 52 g
- Khả năng đọc được: 0.001 g
- Nhiệt độ: 30 - 170 °C
- Đĩa cân: Ø100 mm



Cân sấy ẩm 03 số lẻ XM 60

- Nguồn nhiệt: Halogen
- Khả năng cân: 124g
- Khả năng đọc: 1 mg / 0.01 %
- Nhiệt độ: 30 - 230 °C
- Đĩa cân: Ø100 mm

HM 125SM

Cân 05 số lẻ cho NGÀNH DƯỢC

- Khả năng cân: 125 g
- Độ đọc: 0.01 mg
- Độ tuyến tính: 0.06 mg
- Đĩa cân: Ø80

Phần mềm phù hợp chuẩn 21 CFR Part11 với tính năng phân quyền sử dụng Audit trail



HM 125SM-FR

Cân 05 số lẻ cho NGÀNH DƯỢC

- Khả năng cân: 61 g
- Độ đọc: 0.01 mg / 0.1 mg
- Độ tuyến tính: 0.06 mg / 0.1 mg
- Đĩa cân: Ø80

Phần mềm phù hợp chuẩn 21 CFR Part11 với tính năng phân quyền sử dụng Audit trail



HM 220A

Cân 04 số lẻ cho NGÀNH DƯỢC

- Khả năng cân: 220g
- Độ đọc: 0.1 mg
- Độ tuyến tính: 0.06 mg / 0.1 mg
- Đĩa cân: Ø90

Phần mềm phù hợp chuẩn 21 CFR Part11 với tính năng phân quyền sử dụng Audit trail





prepASH 229 / prepASH 21 / prepASH 212

Cân xác định hàm lượng tro; cacbon và độ ẩm theo ASTM D 7582

Ứng dụng đặc biệt cho THAN & COKE

- Tích hợp cả 3 thiết bị khác bao gồm: **Tủ sấy, Lò nung** và **Cân phân tích mẫu**, phân tích tự động, tiết kiệm thời gian.
- Dải nhiệt độ hoạt động từ 50°C đến 1.000°C
- Giảm đáng kể khối lượng công việc thông qua việc đánh giá đồng thời độ ẩm và hàm lượng tro của tối đa 29 mẫu trong cùng một chu kỳ làm việc mà không cần bình hút ẩm.
- Thời gian phân tích có thể hơn 36 giờ.
- Có thể lựa chọn các loại khí đốt như: Air, O₂, N₂, tùy chọn khí thải để đo lường lượng tro sunfat.
- Màn hình màu 5.7 VGA với bàn phím cảm ứng.
- Có thể giám sát từ xa | Có các cổng kết nối Ethernet, USB (PC, Printer).
- Đáp ứng các tiêu chuẩn DIN, ASTM, ICC



Tủ sấy 58 – 118 – 230 lít

AP60 – AP120 – AP240

- Dải nhiệt độ: môi trường +10°C đến 250°C
- Độ ổn định nhiệt độ: 0.2°C
- Đạt thời gian tới 99h 59'
- Điều chỉnh mức khí vào (0 đến 100%)
- Đối lưu cưỡng bức



Tủ ẩm vi sinh 61 – 124 – 242 lít

BSP65 – BSP125 – BSP245

- Dải nhiệt độ: môi trường: +7°C đến 65°C
- Độ đồng nhất nhiệt độ ở :
37°C là $\pm 1^\circ\text{C}$
60°C là $\pm 1.5^\circ\text{C}$
- Độ ổn định nhiệt độ:
37°C là $\pm 0.2^\circ\text{C}$
44°C là $\pm 0.2^\circ\text{C}$
- Đạt thời gian tới 99h 59'



Tủ ẩm lạnh 56-114-223 lít

BRE60 – BRE120 – BRE240



- Dải nhiệt độ: 0°C đến 100°C
- Độ đồng nhất nhiệt độ ở :
4°C là $\pm 0.7^\circ\text{C}$
37°C là $\pm 0.5^\circ\text{C}$
60°C là $\pm 1^\circ\text{C}$
- Độ ổn định nhiệt độ:
37°C là $\pm 0.2^\circ\text{C}$
44°C là $\pm 0.2^\circ\text{C}$
- Đạt thời gian tới 99h 59'

Tủ lạnh âm sâu (-86°C) 340 – 515 – 690 lít

BMTRU34086 | BMTRU51686 | BMTRU69086

ULT FREEZERS
TRUST -86°C



- Thể tích: 340 lít | Chứa 24 000 cryotubes 2ml
- Thể tích: 515 lít | Chứa 36 000 cryotubes 2ml
- Thể tích: 690 lít | Chứa 48 000 cryotubes 2ml

- Dải nhiệt độ: - 60°C đến -86°C
- Độ đồng nhất $\pm 5^\circ\text{C}$
- Đạt đến -86°C: trong khoảng 4 giờ.



Máy ly tâm lạnh tốc độ cao

Velocity 30R

- Tốc độ ly tâm tối đa: 30.000rpm Thể tích ly tâm tối đa: 6x250ml
- Lực ly tâm: 65,395 x g
- Có 11 loại rotor khác nhau
- Dải nhiệt độ: -20°C đến 40°C
- Độ ồn: 50 dB hoặc nhỏ hơn.
- Cài đặt thời gian: 1 đến 99 phút và chức năng HOLD (vận hành liên tục).
- Chức năng an toàn: khóa bên trong nắp, phát hiện quá tốc độ kép, phát hiện mất cân bằng, phát hiện nhiệt độ động cơ bất thường, vv..
- Đáp ứng tiêu chuẩn: CE marking (EN61326,61010-1,61010-2-020)



Máy ly tâm lạnh tốc độ cao

V14R + Rotor FA15C

- Tốc độ tối đa: **14.000 rpm**, bước nhảy 100 rpm
- Lực ly tâm tối đa: 20.290 x g
- Thể tích: **6 x 50ml**
Optional: **6 x 15 ml (mua thêm adaptor FA15.15C)**
- Dải nhiệt độ: -20°C đến 40°C, độ chính xác $\pm 2^\circ\text{C}$
- Điều khiển: dựa trên bộ vi xử lý
- Độ ồn: < 58 dB (A).
- Cài đặt thời gian: 1 đến 99 phút và chức năng HOLD.
- Tự động nhận dạng rotor, phát hiện mất cân bằng



Máy ly tâm tốc độ cao

V14 + Rotor FA15C

- Tốc độ tối đa: **12.000 rpm**, bước nhảy 100 rpm
- Lực ly tâm tối đa: 14.900 x g
- Thể tích: **6 x 50ml**
Optional: **6 x 15 ml (mua thêm adaptor FA15.15C)**
- Điều khiển: dựa trên bộ vi xử lý
- Độ ồn: < 53 dB (A).



Máy ly tâm lạnh tốc độ cao

V18R + Rotor SW5

- Tốc độ tối đa: **4.800 rpm**, bước nhảy 100 rpm
- Lực ly tâm tối đa: 4.170 x g
- Thể tích: **1.000 ml (4 x 250 ml)**
- Dải nhiệt độ: -20°C đến 40°C, độ chính xác $\pm 2^\circ\text{C}$
- Điều khiển: dựa trên bộ vi xử lý
- Độ ồn: < 58 dB (A).





MÁY LỌC NƯỚC SIÊU SẠCH NƯỚC ĐẦU VÀO LÀ NƯỚC NGUỒN



LaboStar PRO TWF UV

(Code: W3T324338)

- Nước đầu vào: nước chưa xử lý (nước nguồn/ nước máy...)
- Thiết bị tạo ra nước loại **loại I** đáp ứng tiêu chuẩn ASTM Type, CLSI và ISO 3696 Type I và nước **loại III** từ bình chứa 7 lít.
- Công suất nước loại I: 1.2 lít / phút
- Trở kháng: 18.2 MΩ-cm
- Độ dẫn: 0.055 μS/cm
- Chỉ số TOC: 1-5 ppb
- Công suất nước loại III: 10 lít / giờ
- Có thể lựa chọn thêm bình chứa 30 lít và 60 lít

Ultra Clear TP TWF UV UF TM

(Code: W3T360171 / W3T360176)

- Nước đầu vào: nước chưa xử lý (nước nguồn/ nước máy...)
- Thiết bị tạo ra nước loại **loại I** đáp ứng tiêu chuẩn ASTM Type, CLSI và ISO 3696 Type I và nước **loại II** từ bình chứa
- Công suất nước loại I: 1.8 lít / phút
- Trở kháng: 18.2 MΩ-cm
- Độ dẫn: 0.055 μS/cm
- Chỉ số TOC: 1-5 ppb
- Có thể lựa chọn thêm bình chứa 30 lít và 60 lít

MÁY LỌC NƯỚC SIÊU SẠCH NƯỚC ĐẦU VÀO LÀ NƯỚC TIỀN XỬ LÝ & VẬT TƯ TIÊU HAO



LaboStar PRO DI 2

(Code: W3T324339)

- Nước đầu vào: nước tiền xử lý
- Thiết bị tạo ra nước loại **loại I** đáp ứng tiêu chuẩn ASTM Type, CLSI và ISO 3696 Type I.
- Công suất nước loại I: 1.5 lít / phút
- Trở kháng: 18.2 MΩ-cm
- Độ dẫn: 0.055 μS/cm
- Chỉ số TOC: 5 - 10 ppb

	Lựa chọn thêm phụ kiện
1	Bình chứa 30 lít cho LaboStar PRO TWF Code: W3T324494
2	Bình chứa 60 lít cho LaboStar PRO TWF Code: W3T324495

	Vật tư tiêu hao
1	Cột tiền lọc AMB (6-12 tháng) Code: W3T197613
2	Cột tiền lọc DTO (6-12 tháng) - Code: W3T197621
3	Cột MFIID cho ứng dụng hữu cơ thấp (6-12 tháng) - Code: W3T197694
3	Cột ILT cho ứng dụng vô cơ thấp (6-12 tháng) – Code: W3T199853
4	Cột RO 10 lít/giờ (2-3 năm) Code: W3T197620
5	Đèn UV (12 tháng) Code: W2T558521
6	Lọc diệt trùng 0,2 μm loại bỏ nội độc tố (6 tháng) – code: W3T199279



HỆ THỐNG NƯỚC SIÊU SẠCH LOẠI II & LOẠI III

CHO TÒA NHÀ | NHÀ MÁY | BỆNH VIỆN | CÔNG TRÌNH...

Ứng dụng của hệ thống PROTEGRA CS® RO/EDI:

- 1/ Bệnh viện (CSSD / CSSU – nguồn nước sử dụng cho máy giặt quần áo, nước rửa cuối của máy rửa dụng cụ phòng thí nghiệm, nồi hấp tiệt trùng, tủ môi trường,...)**
- 2/ Phòng thí nghiệm thử nghiệm:** Hệ thống nước cung cấp cho các phòng thí nghiệm khác, chất đệm pha chất chuẩn, ứng dụng hóa học, nước đầu vào cho máy lọc nước để sản xuất ra nước siêu tinh khiết, Quang trắc, Quang phổ, Điện di protein,...
- 3/ Nghiên cứu:** để kết nối với các thiết bị như lò phản ứng sinh học / nồi hấp/ buồng ổn định/...
- 4/ Công nghiệp:** cung cấp nước cho mục đích nước sản xuất,...
- 5/ Ngành dược phẩm:** sản xuất API,...



HỆ THỐNG MÁY LỌC NƯỚC SIÊU SẠCH LOẠI III PROTEGRA CS® RO

- Công suất: từ 200 – 1.000 lít/giờ
- Tỷ lệ loại bỏ tối thiểu: 98%
- Tỷ lệ thu hồi tối đa: 75%
- Giảm số lượng vi trùng: > 99%
- Áp suất vận hành tối đa: 14 bar
- Thiết kế nhỏ gọn, thân thiện với người sử dụng.
- Giao diện RS 232
- Báo cáo kỹ thuật / bảo trì

HỆ THỐNG MÁY LỌC NƯỚC SIÊU SẠCH LOẠI II - PROTEGRA CS RO/EDI, EDI-CELL SINGLE STAGE MODULE

- Công suất: từ 120 – 750 lít/giờ.
- Chất lượng nước sạch: < 0.5 $\mu\text{S/cm}$
- Chất lượng nước sạch điển hình: < 0.5 $\mu\text{S/cm}$
- Năng suất tối đa: 75%
- Áp suất tối đa làm việc: 14 bar
- Chống bụi và vắng
- Giao diện RS 232
- Báo cáo kỹ thuật và bảo trì.
- Mô-đun EDI với buồng cathion và anion riêng biệt.

HỆ THỐNG MÁY LỌC NƯỚC SIÊU SẠCH LOẠI II - PROTEGRA CS RO/EDI, EDI-CELL TWIN STAGE MODULE

- Công suất: từ 120 – 750 lít/giờ.
- Chất lượng nước: < 0.1 $\mu\text{S/cm}$
- Chất lượng nước sạch điển hình: < 0.07 $\mu\text{S/cm}$
- Năng suất tối đa: 75%
- Áp suất tối đa làm việc: 14 bar
- Chống bụi và vắng
- Giao diện RS 232
- Báo cáo kỹ thuật và bảo trì.
- Mô-đun EDI với buồng cathion và anion riêng biệt.



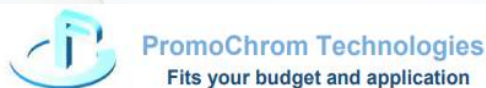
Lò vi sóng phá mẫu, tần số: 2.450 Hz

TRANSFORM MW800

- Áp suất chịu tối đa: 15 MPa (2250 psi)
- Nhiệt độ chịu tối đa: 300°C
- Nhiệt độ làm việc: 250°C
- Số lượng: 10 ống với thể tích bên trong ống: 100ml



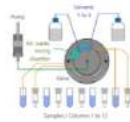
CƠ BẢN – CHUẨN BỊ MẪU



BỘ CHIẾT PHA RẮN TỰ ĐỘNG SPE

Hệ thống chiết pha rắn tự động (SPE) đơn kênh với 12 mẫu chiết tuần tự model: SPE-01

- Lượng mẫu: 12 kênh mẫu/ mẻ với chiết tuần tự
- Thể tích mẫu: 0.5 đến 50 ml (option với thể tích 2000ml)
- Lưu trữ > 100 phương pháp
- Màn hình điều khiển cảm ứng



Hệ thống chiết pha rắn tự động (SPE) 08 kênh đồng thời thể tích lớn model: SPE-03

- Ứng dụng làm sạch mẫu trong môi trường và thực phẩm; dư lượng thuốc trừ sâu; thuốc tân dược trong thực phẩm; các chất gây nhiễm trong mẫu rắn
- Chiết 08 mẫu đồng thời
- Thể tích mẫu: 0.5 đến 4000ml
- Lưu trữ > 100 phương pháp
- Màn hình điều khiển cảm ứng



PromoChrom – Canada

Hệ thống chiết pha rắn tự động (SPE) online 40 vị trí model: SPE-04+

- Chiết 40 mẫu; quá trình chiết với 04 nhóm đồng thời
- Thể tích: 0.5-9 mL dùng khay, 0.5-2000mL cho bình chứa mẫu ngoài
- Kích thước cột SPE: 1/3/6ml
- Dung môi: 06
- Lưu trữ > 100 phương pháp
- Lưu lượng bơm: 0.5 – 60ml/phút
- Màn hình điều khiển cảm ứng



Hệ thống làm sạch 8 kênh model: RT-01

- RT-01 phù hợp nhất cho việc tinh chế và phân lập các thành phần từ thảo dược và các sản phẩm tự nhiên khác. Phân số được thu thập trong tối đa 3 đĩa 96 giếng. Thiết bị SPE cũng được phù hợp với flash LC cho hiệu suất cao hơn



Hệ thống chiết pha rắn tự động (SPE) online model: SPE-04

- Hệ thống chiết pha rắn tự động và đưa mẫu sạch đến trực tiếp LC/LCMS cho phân tích
- Chiết 18,26 hoặc 38 mẫu tuần tự
- Thể tích mẫu: 0.5 đến 4/8/20 mL
- Lưu lượng bơm: 1 – 30ml/phút
- Màn hình điều khiển cảm ứng



HỆ THỐNG CHUẨN BỊ MẪU TỰ ĐỘNG

Phân tích các hóa chất POPs (Persistent Organic Pollutants) trong môi trường, thực phẩm,...



Easy and Flexible Control

- Able to handle up to six units independently and/or at the same time.
- Controls based on the highly reliable 'Programmable Logic Controller'
- User-friendly touchpad and clear screen design.
- Possible to back up and restore all data.

Mijura
Fully Automated Sample Preparation System for POPs Analysis



Organomation®

BỘ CÔ MẪU – CHƯNG CẮT KD – CHIẾT LỎNG/ LỎNG – CHIẾT LỎNG/ RẮN

Máy cô mẫu Nitrogen 48 vị trí
Organomation - Mỹ



Bộ chưng cất dung môi
Kuderna Danish (KD)
Organomation - Mỹ



Bộ chiết dung môi pha lỏng -
pha lỏng ROT-X-TRACT-L
Organomation - Mỹ



Bộ chiết Soxhlet lỏng - rắn
ROT-X-TRACT-S
Organomation - Mỹ



THIẾT BỊ CƠ BẢN PHÒNG THÍ NGHIỆM

Tủ sấy
Froilabo – Pháp



Tủ ấm – Tủ ấm lạnh
Froilabo – Pháp



Tủ sấy ẩm CO2 Froilabo –
Pháp



Lò nung
Nabertherm – Đức



Nồi hấp tiệt trùng
ALP – Nhật Bản



Bể lắc điều nhiệt
Grant – Anh



Bể ổn nhiệt tuần hoàn lạnh
Grant – Anh



Tủ hút khí độc
furniLAB – Việt Nam



Tủ an toàn sinh học cấp II
furniLAB – Việt Nam



Tủ ấm
Grant – Anh



Tủ ấm nhiệt độ thấp
Grant – Anh



Tủ ấm lắc
Grant – Anh



Tủ sấy
Witeg - Đức



Tủ sấy chân không
Witeg - Đức



Tủ lạnh Phòng thí nghiệm
Witeg - Đức



Tủ đông phòng thí nghiệm,
0+ -15°C/ -15°C + -25°C/-
25°C + -35°C
Witeg - Đức



CƠ BẢN – CHUẨN BỊ MẪU

Buồng sinh trưởng cấy
trồng Witeg - Đức



Máy lắc vòng và ngang
Witeg - Đức



Máy lắc Mini
Witeg - Đức



Máy lắc đĩa Microplate
Witeg - Đức



Máy lắc bình chiết quả lê
Witeg - Đức



Máy lắc cân bằng
Witeg - Đức



Máy khuấy từ gia nhiệt
Witeg - Đức



Máy khuấy từ đa vị trí
Witeg - Đức



Bộ tuần hoàn nhiệt
Grant - Anh



Bể tuần hoàn nhiệt
Grant - Anh



Bể ổn nhiệt tuần hoàn lạnh
Grant - Anh



Máy lắc ổn nhiệt
Grant - Anh



Bể ổn nhiệt
Grant - Anh



Bể rửa siêu âm
Grant - Anh



Máy gia nhiệt khô
Grant - Anh



Block gia ổn nhiệt cho
cuvet/ strips Grant - Anh



Máy lắc ổn nhiệt cho ống
Micro và đĩa Micro
Grant - Anh



Máy ly tâm Microspin
100 + 14.500 rpm
Grant - Anh



Máy ly tâm để bàn
6000rpm Grant - Anh



Máy ly tâm lạnh để bàn
Grant - Anh



Máy ly tâm tốc độ thấp để
bàn: 3000rpm cho ống/
2000rpm cho đĩa Micro
Grant - Anh



Máy lắc Orbital
Grant - Anh



Máy lắc đĩa Microplate
Grant - Anh



Máy trộn Vortex
Grant - Anh



Máy khuấy từ gia nhiệt
Grant - Anh



Tủ ẩm lắc
Grant - Anh



Bình hút mẫu (Aspirator)
Grant - Anh



Đo độ đen – độ đục
(Densitometer)
Grant - Đức



CƠ BẢN – CHUẨN BỊ MẪU

Tủ bảo quản lạnh

Grant – Anh



Tủ ấm xách tay

Grant – Anh



Máy cô tạo môi trường cho nuôi cấy

Grant – Anh



Tủ với chương trình Gradient nhiệt độ cho quá trình nảy mầm hạt giống

Grant – Anh



Máy đo độ nhớt Krebs Myr – Tây Ban Nha



Máy đo độ nhớt với phép đo Brookfield Myr – Tây Ban Nha



Máy đo độ nhớt xách tay Myr – Tây Ban Nha



Máy đo độ nhớt cầm tay Myr – Tây Ban Nha



Cân phân tích 04 – 05 số lẻ Precisa – Thụy Sĩ



Cân phân tích 03 số lẻ Precisa – Thụy Sĩ



Cân phân tích 02 số lẻ Precisa – Thụy Sĩ



Cân sấy ẩm Precisa – Thụy Sĩ



Kính hiển vi sinh học Kruess – Đức



Kính hiển vi soi nổi Kruess – Đức



Kính hiển vi soi ngược Kruess – Đức



Kính hiển vi soi kim tương Kruess – Đức



Kính hiển vi huỳnh quang BEL – Italia



Kính hiển vi phân cực BEL – Italia



Kính hiển vi với màn hình LCD và VIDEO/ cổng ra USB BEL – Italia



VIDEO cho kính hiển vi BEL – Italia



Bộ lọc chân không Rocker – Đài Loan



Sàng ray HAVER – Đức



Bộ lọc pha rắn SPE Supelco – Mỹ



Cô quay chân không KNF – Đức



Máy đo độ hòa tan 08 vị trí model: DS8000

- 6 chỗ test mẫu + 2 chỗ để tham chiếu (mẫu trắng hoặc mẫu chuẩn)
- Bộ điều khiển vi xử lý, màn hình hiển thị LCD
- Lưu 15 quy trình; Bể nước: 17 lít
- Dải: 30°C ÷ 40°C; Phân giải: 0.1°C
- Độ chính xác nhiệt độ điều khiển: ±0.1°C
- Cảm biến nhiệt: Pt-100 (RTD)
- Tốc độ trực quay: có thể thay đổi 20 ÷ 250 rpm
- Độ chính xác tốc độ trực quay: ±1%

Máy đo độ hòa tan 08 vị trí màn hình cảm ứng model: DS8000 SMART

- 6 chỗ test mẫu + 2 chỗ để tham chiếu (mẫu trắng hoặc mẫu chuẩn)
- Bộ điều khiển vi xử lý, màn hình cảm ứng 7" có phần mềm phù hợp 21 CFR part 11
- Lưu 15 quy trình; Bể nước: 17 lít
- Dải: 30°C ÷ 40°C; Độ chính xác: ±0.1°C



Máy đo độ hòa tan 08 vị trí tích hợp bơm nhu động model: DS8000 Auto

- Tích hợp Bơm nhu động với 12 kênh bơm: 06 kênh hút lấy mẫu. 06 kênh bơm cho bộ lấy mẫu tự động.
- Tích hợp kết nối lấy mẫu tự động 06 vị trí



Máy đo độ hòa tan 08 vị trí tích hợp bơm Piston và chuyển đổi bộ lọc, model: DS8000+

- Hệ thống hoàn toàn tự động với Piston Pump & bộ đổi lọc, thiết kế sẵn sàng có kết nối phân tích trên UV/HPLC/UPLC
- 6 chỗ test mẫu + 2 chỗ để tham chiếu (mẫu trắng hoặc mẫu chuẩn)



Máy đo độ hòa tan 08 vị trí tích hợp bơm Syringe model: DS8000 with syringe pump

- Bơm tiêm - hệ thống lấy mẫu tự động cho 06 kênh - tiêu chuẩn. Bthư mẫu SC06.
- Có thể điều chỉnh ống tiêm 10 ml & 25 ml. Ống tiêm khí nén với pít tông Teflon cho độ trơ hóa học cao.
- Lấy mẫu chính xác ±0,1ml, kim 10mL.
- Bộ lấy mẫu tự động 06 hàng, khay đựng mẫu 144 vị trí + ống nghiệm 15ml



Máy đo độ hòa tan 14 vị trí, model: DS14000

- 12 chỗ test mẫu + 2 chỗ để tham chiếu (mẫu trắng hoặc mẫu chuẩn)
- Bộ điều khiển vi xử lý, màn hình LCD
- Lưu 15 quy trình với bể nước: 29 lít
- Dải: 30°C ÷ 40°C; Độ chính xác: ±0.1°C
- Cảm biến nhiệt: Pt-100 (RTD)
- Tốc độ trực quay: có thể thay đổi 20 ÷ 250 rpm
- Độ chính xác tốc độ trực quay: ±1%



Máy đo độ hòa tan 14 vị trí màn hình cảm ứng, model: DS14000 SMART

- 12 chỗ test mẫu + 2 chỗ để tham chiếu (mẫu trắng hoặc mẫu chuẩn)
- Bộ điều khiển vi xử lý, màn hình cảm ứng 7" có phần mềm phù hợp 21 CFR part 11



Máy đo độ hòa tan 14 vị trí tích hợp bơm Syringe model: DS14000 with syringe pump

- Bơm tiêm - hệ thống lấy mẫu tự động cho 06 kênh - tiêu chuẩn. Với bộ sưu tập mẫu SC06.
- Có thể điều chỉnh ống tiêm 10 ml & 25 ml. Ống tiêm khí nén với pít tông



Máy đo độ hòa tan 14 vị trí tích hợp bơm Syringe model: DS14000 with Piston pump

- Với bơm nhu động hai chiều cho phép lấy/ thu hồi mẫu chính xác trên bộ thu hồi mẫu



- Lưu 15 quy trình với bể nước: 29 lít
- Dải: 30°C ÷ 40°C; Độ chính xác: $\pm 0.1^\circ\text{C}$
- Cảm biến nhiệt: Pt-100 (RTD)
- Tốc độ trục quay: 20 ÷ 250 rpm

Teflon cho độ trơ hóa học cao.

- Lấy mẫu chính xác $\pm 0,1$ ml, cho ống tiêm 10mL.
- Bộ lấy mẫu tự động 06 vị trí khay đựng mẫu 144 vị trí + ống nghiệm 15ml.

- Thiết bị vi điều khiển, vận hành đơn giản, thân thiện, Phù hợp với tiêu chuẩn dược USP, IP, EP.

LABINDIA
ANALYTICAL
WHERE COMMITMENT IS CULTURE

Máy đo độ tan rã 2 vị trí DT1000 model: DT1000

- Tốc độ nhúng: 30 $\pm$ 1DPM
- Chiều dài lên xuống: 5.5 $\pm$ 0.1 cm
- Dải nhiệt độ của bể: T_{ml}+5 đến 50°C
- Bể chìm tuần hoàn
- Gồm có 2 rổ x 6 vị trí kiểm tra (10mesh) USP loại A.
- Đĩa khía rãnh có 6 số trong mỗi giỏ loại USP.
- Lập trình thời gian lên đến 99 giờ 59 phút với kiểu hiển thị 99:59:59.
- Tùy chọn trạm kẹp với drive riêng biệt.
- Màn hình hiển thị LCD.



LABINDIA
WHERE COMMITMENT IS CULTURE

Máy đo tỷ trọng dạng đóng model: TD1025

- Máy đo tỷ trọng dạng đóng TD1025 được thiết kế để đáp ứng tiêu chuẩn USP và ASTM cho đo tỷ trọng dạng tap density
- Thiết kế với 02 vị trí ốngtuowngg ứng là 14mm và 3mm với bộ giữ cylinder để giữ cho ống 250ml và 100 ml
- Thiết kế với quá trình đóng (tapping) và quá trình xoay đồng thời đảm bảo cho vật liệu được đóng đều
- Tính toán kết quả: tỷ trọng dạng đóng; chỉ số nén; tỷ số Hausner và Bulk density



Máy đo điểm nóng chảy model: TD1025

- Phần mềm tương tác dễ dàng vận hành
- Đăng nhập: tên mẫu số mẫu - mã ID và ời gian; theo GLP ộ nhớ lưu trữ 20 iương trình
- ết quả gần nhất có thể được xem và in gười dùng có thể lựa chọn các chế độ đo:
 - Đo dược (Pharma mode): điểm nóng chảy có thể được đo với cảm biến photo sensing và nhiệt độ được khóa và hiển hị theo pharmacopoeia.
 - Thermo mode: điểm nóng chảy có thể được đo với cảm biến photo sensing và nhiệt độ được khóa và hiển hị theo hệ số nhiệt - thẩm định - Thermodynamic



Máy đo độ cứng buồng đơn, model: TH-1050M

Máy đo độ cứng 12 Carousel/ 24 Carousel (TH 1050S)

Đồ độ cứng Hardness Tester TH 1050S+



smeg
INSTRUMENTS



Máy rửa dụng cụ thủy tinh phòng thí nghiệm (chức năng rửa) Model: GW0160

- Bộ điều khiển vi xử lý
- Có chức năng rửa
- Số chương trình cài đặt: 07
- Nhiệt độ: t phòng đến 85°C

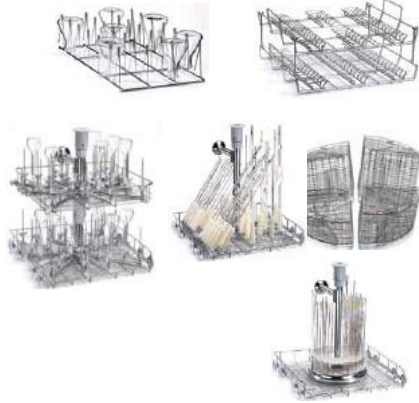
Máy rửa dụng cụ (chức năng rửa + tiệt trùng và ngưng tụ dòng) Model: GW1160C

- Máy rửa dụng cụ với bộ điều khiển vi xử lý
- Có chức năng rửa + tiệt trùng và ngưng tụ dòng

Máy rửa dụng cụ (rửa + tiệt trùng + sấy khô và ngưng tụ dòng) model: GW4060C

- Máy rửa dụng cụ với bộ điều khiển vi xử lý
- Có chức năng rửa + tiệt trùng + sấy khô và ngưng tụ dòng

- Độ chính xác nhiệt độ: 0,1°C
- Kích thước ngoài: 600x 605x 850mm
- Kích thước buồng: 520x 515x 545mm



- Số chương trình cài đặt: 15 (gồm 9 chương trình chuẩn cài đặt sẵn và 06 chương trình tùy chỉnh)
- Nhiệt độ: t phòng đến 95°C
- Độ chính xác nhiệt độ: 0,1°C



- Số chương trình cài đặt: 15 (gồm 9 chương trình chuẩn cài đặt sẵn và 06 chương trình tùy chỉnh)
- Nhiệt độ: t phòng đến 95°C
- Độ chính xác nhiệt độ: 0,1°C
- Kích thước ngoài: 600x 605x 850mm
- Kích thước buồng: 520x 515x 545mm



Máy rửa dụng cụ: rửa + tiệt trùng + sấy khô và có buồng chứa thuốc tẩy rửa model: GW4190

- Máy rửa dụng cụ với bộ điều khiển vi xử lý
- Có chức năng rửa + tiệt trùng + sấy khô và có tích hợp buồng chứa thuốc tẩy rửa
- Số chương trình cài đặt: 15 (gồm 9 chương trình chuẩn cài đặt sẵn và 06 chương trình tùy chỉnh)
- Nhiệt độ: t phòng đến 95°C
- Độ chính xác nhiệt độ: 0,1°C
- Buồng chứa thuốc thử bằng thép không gỉ AISI304, thể tích 4x5 lít
- Kích thước ngoài: 900x 600x 850mm
- Kích thước buồng: 525x 490x 570mm



Máy rửa dụng cụ thí nghiệm thể tích lớn (266 lít): rửa + tiệt trùng + sấy khô model: GW6010

- Máy rửa dụng cụ với bộ điều khiển vi xử lý
- Số chương trình cài đặt: 40 (gồm 20 chương trình chuẩn cài đặt sẵn và 20 chương trình tùy chỉnh)
- Cửa kính có thể quan sát bên trong
- Rửa ở 05 cấp độ với nhiều loại dụng cụ khác nhau
- Chức năng rửa (washing) + tiệt trùng (disinfecting) + sấy khô (drying)
- Kích thước bên ngoài LxDxH: 650 x 720 x 1950 mm
- Kích thước bên trong LxDxH: 550 x 620 x 685 mm



Máy rửa dụng cụ thí nghiệm thể tích lớn (405 lít): rửa + tiệt trùng + sấy khô model: GW6290

- Máy rửa dụng cụ với bộ điều khiển vi xử lý; Hai bơm rửa độc lập
- Số chương trình cài đặt: 40 (gồm 20 chương trình chuẩn cài đặt sẵn và 20 chương trình tùy chỉnh)
- Rửa ở 03 cấp độ với nhiều loại dụng cụ khác nhau
- Chức năng rửa (washing) + tiệt trùng (disinfecting) + sấy khô (drying)





WD6010 - Máy rửa khử khuẩn dụng cụ sấy khô tự động, cửa kép

- Máy rửa dụng cụ y tế với chức năng **rửa – khử trùng – sấy khô**
- Ứng dụng cho rửa - tiệt trùng các dụng cụ trong phẫu thuật, dụng cụ gây mê, dụng cụ trong nội soi, dụng cụ vi phẫu, dụng cụ nhãn khoa, bình lọ thủy tinh trong phòng thí nghiệm....Các lĩnh vực ứng dụng: phẫu thuật tổng quát, phụ khoa, tiết niệu, chỉnh hình, nhãn khoa....
- Kích thước tủ: 650x720x1950mm
- Thể tích buồng: **280 lít**
- Khả năng chứa tối đa **12 giỏ chuẩn** (12DIN BASKETS MAX)
- Thiết kế kiểu cửa chốt (hinged door)**
- European Standard EN15833-6:2011[Washer Disinfectors]



WD7015 - Máy rửa dụng cụ có khử trùng cửa trượt kép cho CSSD/ BỆNH VIỆN

- Máy rửa dụng cụ phòng thí nghiệm WD7015 với chức năng **rửa – khử trùng – sấy**
- Ứng dụng cho rửa - tiệt trùng các dụng cụ trong phẫu thuật, dụng cụ gây mê, dụng cụ trong nội soi, dụng cụ vi phẫu, dụng cụ nhãn khoa, bình lọ thủy tinh trong phòng thí nghiệm....
- Các lĩnh vực ứng dụng: phẫu thuật tổng quát, phụ khoa, tiết

- niệu, chỉnh hình, nhãn khoa....
- Kích thước ngoài: 900x1000x1942 mm
- Kích thước buồng: 626x812x685 mm
- Dung tích buồng: **348 lít**
- Khả năng chứa a tối đa **18 giỏ chuẩn** (12DIN BASKETS MAX)
- Thiết kế kiểu cửa trượt cửa trượt kép**
- European Standard EN15833-6:2011[Washer Disinfectors]

himac



himac CR7N

KOKI HOLDINGS CO.,LTD

Model	CR7N
Tốc độ tối đa	7.000 rpm
Thể tích tối đa	6.000 mL (R7A rotor or R5S2 rotor)
Dải tốc độ	Từ 300 đến 7.000 rpm
Dải nhiệt độ	Từ -20 đến +40 °C
Cài đặt thời gian	Chế độ “phút : giây” và “giờ : phút”
Tăng tốc/ giảm tốc	9 chế độ tăng tốc và 9 chế độ giảm tốc
Chương trình	30 chương trình, với chức năng RCF/ gEsec
Chức năng an toàn	khóa bên trong, đầu dò kép nhận biết quá tốc độ, mất cân bằng và phát hiện quá nhiệt độ
Màn hình	Cảm ứng LCD
Kích thước	730 (W) x 845 (D) x 928 (H) mm
Tiêu chuẩn	CE, EN61010-1, EN61010-2-020, EN61326-1

LỰA CHỌN THÊM ROTOR:

Rotor gốc thể tích lớn – tốc độ cao R7A

- Thể tích thông thường: 6 lít (1.000ml x 6 chai)
- Thể tích thực dụng: 5.4 lít (900ml x 6 chai)
- Tốc độ tối đa: 7.000 rpm (11.100 x g)
- Ứng dụng: Phân tách khối lượng lớn vi khuẩn và organelle từ dung dịch nuôi cấy, và phân tách thô trong quá trình sản xuất vắc-xin



Rotor văng cho ly tâm TÚI MÁU R4SS2

- Thể tích thông thường: 500ml túi máu x 8 túi
- Tốc độ tối đa: 4.400 rpm (5.350 x g)



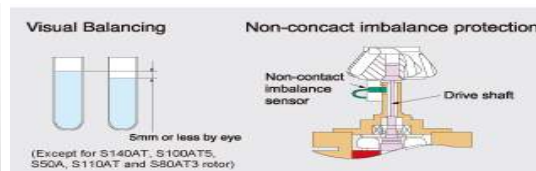
Rotor văng thể tích lớn R5S2

- Thể tích thông thường: 6 lít (1.000 mL x 6 chai), túi MAP x 6 túi
- Tốc độ tối đa: 4.200 rpm (5.150 x g) cho bucket (B) 1000AL bao gồm chai nhựa 1000PP/PC
- Tốc độ tối đa 4.200 rpm (5.150 x g) cho bucket (B) 1000AL bao gồm túi máu
- Tốc độ tối đa 3.800 rpm (4.210 x g) cho bucket MAP





	CP100NX	CP90NX	CP80NX
Tốc độ tối đa	100.000 rpm	90.000 rpm	80.000 rpm
Lực ly tâm tối đa (lựa chọn rotor)	803,000 xg P100AT2	700,000 xg P90AT	615,000 xg P80AT
Độ chính xác tốc độ	+/- 2rpm (1.000rpm – tốc độ tối đa)		
Chế độ Accel/Decel	ACCEL : 10 / DECEL : 11 (10 and coasting)		
Dải cài đặt tốc độ	1.000 rpm đến tốc độ tối đa với bước nhảy 100rpm		
Bộ cài đặt thời gian	Từ 1 phút đến 999 giờ 59 phút (bước nhảy 1 phút) với chức năng HOLD		
Dải cài đặt nhiệt độ	0°C đến 40°C với bước nhảy 1°C (Độ chính xác : +/- 0.5°C)		
Hệ thống chân không	Bơm chân không quay dầu và bơm khuếch tán dầu		



Ứng dụng: tách và tinh chế protein, lipoprotein, cell organelle, DNA và RNA, cũng như các ống nano carbon và các hạt có kích thước nano.

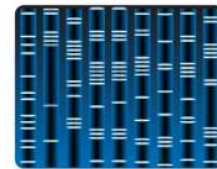
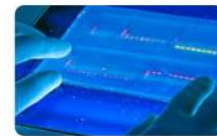
Model	CS150NX
Tốc độ tối đa (rpm)	150.000
Lực ly tâm tối đa RCF (xg)	1.050.000 (S140AT rotor)
Độ chính xác điều khiển tốc độ	±50 (5.000 – 150.000)
Thể tích tối đa (thông thường)	30ml x 6 tubes (S50A rotor)
Thể tích tối đa (thông thường) (Rotor vắng với bucket)	7ml x 4 tubes (S50ST rotor)
Bộ đếm thời gian	1 phút đến 99 giờ 59 phút với chức năng HOLD và RTC



Máy chụp ảnh Gel

GelView Master

- Camera/ lens: 5.0 MP
- Tiêu cự: max f / 1.2
- Tích hợp UV transilluminator 312 nm
- Lưu trữ hình ảnh trên PC
- Cửa khóa an toàn
- USB kết nối với PC
- Bao gồm phần mềm chụp ảnh
- Máy tính PC (*Khách hàng tự trang bị*)



Máy quang phổ đo DNA RNA

Halo BIOmaster

- Dải sóng: 190 ~ 1.000 nm
- Độ phân giải: 1nm
- Độ rộng khe phổ: 5.0 nm
- Độ chính xác: $\pm 1\%$ T
- Độ lặp lại: 0,5%
- Nồng độ phát hiện: dsDNA 1.5 - 100 μ g/ml (for 100 μ g cell)



Lựa chọn thêm các phụ kiện



Máy luân nhiệt PCR Gradient

DYNAM-CMGT

- Nhiệt độ khối: 0°C đến 100 ° C
- Tính đồng nhất: $\leq \pm 0,2$ ° C (ở 95 ° C)
- Độ chính xác nhiệt độ $\leq \pm 0,2$ ° C (ở 35 ° C đến 100 ° C)
- Tối đa Tốc độ tăng nhiệt: Làm nóng 6 ° C / Làm mát 5 ° C.



Máy quang phổ định lượng DNA, RNA, Protein điều khiển nhiệt

Halo DNAmaster

- Máy quang phổ định lượng DNA, RNA, Protein Halo DNAmaster; độ chính xác cao (0.01 OD)
- Dải bước sóng: 200 – 900 nm;
- Khoảng trắc quang: 0.0 ~ 4.0 O.D
- Detector: CCD (*Charge Coupled Device – 2048 pixel*)



Hệ thống lên men trong phòng thí nghiệm Fermentor MINIFOR

- Các thể tích: 0.3 l, 0.4 l, 1 l, 3 l and 7 l



Máy đọc ELISA tự động – nhỏ gọn – nguồn đèn LED – độ chính xác cao, đáp ứng FDA 21 CFR part 11

Model: LT-4500



Máy rửa tự động ELISA

Model: LT-3500

- Thể tích rửa: 10~3000 ml
- Thể tích rửa còn lại < 1 μ l
- Chu kỳ rửa ≤ 99 chu kỳ



Máy ủ lắc MICROPLATE (khay vi thể) PHMP-4 - Anh

- Ủ được 4 khay mỗi khay 96 giếng
- Thang nhiệt độ vận hành: nhiệt độ môi trường + 5 đến 60oC
- Độ ổn định nhiệt độ: ± 0.1 oC
- Mức đồng đều nhiệt độ: ± 0.2 oC
- Tốc độ lắc: 250 đến 1200 vòng/ phút.



Nồi hấp tiệt trùng sấy chân không dụng cụ y tế

360L – 250L – 220L – 120L – 92L – 60L – 48L – 28L

- Nồi hấp tiệt trùng sấy chân không lồng ngang tiêu chuẩn dùng trong y tế ISO13485 và GMP
- Tích hợp sẵn hệ thống tạo hơi nước và hệ thống chân không sử dụng với bơm chân không kiểu phun nước (water ejector) giúp tiệt trùng và sấy khô chân không trong trạng thái chân không cao dưới áp suất – 0,9 bar.
- Mọi thông số trong suốt quá trình tiệt trùng đều được hiển thị trên màn hình LCD
- Cho phép tiệt trùng tại 134°C và 121°C
- Chức năng kiểm tra thử nghiệm Bowie-Dick Test và Kiểm tra chân không
- Cho phép cài đặt chương trình tiệt trùng riêng của người sử dụng



Máy tiệt khuẩn Plasma nhiệt độ thấp

80L – 50L – 35L – 25L

- Vật liệu buồng tiệt trùng: hợp kim nhôm A5052P
- Kiểu buồng hấp: hình chữ nhật
- Kích thước khay đựng đồ tiệt trùng: 327(W)×680(L)×64(H)mm
- Số lượng khay đựng đồ tiệt trùng: 02 chiếc
- Tác nhân tiệt trùng: H₂O₂ 50% (Hydrogen Peroxide); 140Ml/bình
- Nhiệt độ tiệt trùng: 50°C ~ 60 °C
- Dụng cụ vật liệu có thể cho tiệt trùng bằng máy tiệt trùng plasma: Thép không gỉ, Poly Vinyl Chloride (PVC), Teflon, Monel, Aluminium Polycarbonate (PC) Kính. Neoprene, Titan, Ethylvinyl Acetate (EVA), Đồng, Tinh thể lỏng Polymer (LCP), Polyethylene (PE), Latex, Delrin, Polyurethane, Polypropylene (PP), Kraton, Polystyrene



Máy tiệt khuẩn bằng khí EO sử dụng khí EO

(Ethylene Oxide) 92L – 50L – 35L

- Máy tiệt trùng nhiệt độ thấp bằng khí EO có thể khử trùng dụng cụ phẫu thuật bằng kim loại, tất cả các loại sản phẩm cao su và tất cả các loại dụng cụ y tế như đầu dò, cáp. Cho phép tiệt trùng tại nhiệt độ thấp 30°C đến 60°C. Khí EO có khả năng tiêu diệt hầu như mọi loại virus, vi khuẩn, nấm và nha bào. có tính xuyên thấu cao, không bị chống chỉ định với các dụng cụ có đường kính nhỏ và độ dài lổ xốp của dụng cụ.
- Kiểu máy tiệt trùng: Để bàn / khoang tiệt trùng nằm ngang
- Kiểu buồng hấp: hình trụ
- Khí tiệt trùng: hỗn hợp khí Ethylene Oxide và Cacbonic – E.O (20%) + CO₂ (80%)
- Chân không và sục khí: bơm chân không không dầu
- Thời gian tiệt trùng: 0 -24 giờ.
- Thời gian đuổi khí làm sạch: 0 -24 giờ.
- Khay đỡ: 01 chiếc
- Nhiệt độ hoạt động / áp suất: 30°C~ 60°C / 1.0 Bar



PERSON EO-35L
Capacity : 35 Liter



PERSON EO-50L
Capacity : 50 Liter



SEGMENTED FLOW ANALYZERS

AUTOANALYZERS FOR
ENVIRONMENTAL ANALYSIS



Các kỹ thuật:

1. Continuous Flow Analyzers (CFA) – Phân tích dòng liên tục
2. Segemented Flow Analysis (SFA) - Phân tích dòng chảy phân đoạn
3. Discrete Analyser - Hệ thống phân tích rời rạc (các chỉ tiêu phân tích: Ammonia/ Boron/ Calcium/ Chloride/ Lysine/ Magnesium/ Nitrate/ Nitrite/ Phosphate/ Total/ Nitrogen/ Total/ Phosphorous/ Urea...)

Các lĩnh vực ứng dụng:

- Seawater
- Water and Wastewater
- Drinking Water
- Fertilizer
- Soil and Plants
- Wine/Beer
- Animal Feed
- Food

DISCRETE ANALYZERS



MÁY PHÂN TÍCH DÒNG LIÊN TỤC CFA - PHÙ HỢP THÔNG TƯ 24

- Thiết bị phân tích dòng liên tục (CFA) được sử dụng rộng rãi trong phân tích mẫu môi trường, như nước mặt, nước ngầm, nước thải, nước uống và nước biển.....
- Các chỉ tiêu có thể phân tích: xyanua, phenol, sunfua, amoni, tổng nitơ, nitrit + nitrat, tổng photpho, chất hoạt động bề mặt, ...; tiêu chuẩn:
 - TCVN 11069-2:2015 (ISO14256-:2005): Xác định nitrat, nitrit và amoni trong đất ẩm hiện trường
 - TCVN 9319:2012 (ISO 29441:2010): Chất lượng nước - Xác định hàm lượng Tổng nitrogen (TN) với phá mẫu bằng UV inline.
 - TCVN 7723-2:2015 (ISO 14403-2:2012) Chất lượng nước - Xác định xyanua tổng số và xyanua tự do.
 - TCVN 9244:2012 (ISO 16264:2002) Chất lượng nước. Xác định silicat hòa tan bằng phân tích dòng
 - ISO11732:2005: Xác định hàm lượng Ammonium (NH4+)
 - ISO 13395:1996: Xác định hàm lượng Nitrite (NO2-) và Nitrate (NO3-)
 - ISO 15681:2003: Xác định hàm lượng Ortho-phosphate (PO43-) và Tổng phosphorus (TP) với phá mẫu thủ công.
 - ISO 22743:2006: Xác định hàm lượng Sulfate(SO42-)
 - ISO 14402:1999: Xác định Tổng Phenol
 - ISO 16265:2009: Xác định hàm lượng chất hoạt động bề mặt (MBAS)
 - ISO 23913:2006: Xác định hàm lượng Chromium VI (Cr6+)
 - ISO 15682:2000: Xác định hàm lượng Chloride (Cl-)
 - ISO/TS 17951 :2016: Xác định hàm lượng Fluoride (F-)
 - ISO 16264:2002: Xác định hàm lượng Silicate (SiO2)

Hệ thống Phân tích dòng liên tục CFA cho phân tích Phenol và Cyanua đồng thời

Model: AA500



- AA500 là sản phẩm đánh dấu bước tiến mới của SEAL trong việc phát triển các sản phẩm phân tích dòng liên tục (CFA) ứng dụng kỹ thuật phân tích dòng phân đoạn (SFA).
- Nguyên tắc chung AA500 ứng dụng công nghệ phân tích dòng phân đoạn SFA kết hợp với bộ lấy mẫu tự động; bơm nhu động; các hộp phản ứng hóa (chemistry manifold); đầu dò (detector) và phần mềm thu nhận dữ liệu: Mẫu và thuốc thử được bơm liên tục xen kẽ với các bọt khí đều đặn qua các cuộn thủy tinh và các hộp phản ứng hóa (chemistry manifold). Sau đó hỗn hợp mẫu và thuốc thử di chuyển đến các buồng phản ứng như gia nhiệt, chưng cất, thẩm thấu, hoặc phá mẫu UV. Kết thúc quá trình phản ứng tạo màu và được ghi nhận tín hiệu bằng đầu dò (detector).
- AA500 có thể tích hợp tối đa 06 kênh phân tích đồng thời 06 chỉ tiêu trong một lần chạy.
- Ứng dụng: môi trường, nước thải, nước biển, phân bón, thực phẩm, beer, nước giải khát...

Modul (Chemistry module) cho phân tích Cyanide trong nước (TCVN 7723-2:2015 (ISO 14403-2:2012)

- Quá trình chưng cất tại: 145°C
- Phân tích Cyanua:
- Dải đo: 0,1 ug/L - 50 ug/L trong nước
- Giới hạn LOD: 0,4 ug/L
- Bước sóng đo: nguồn LED photometer tại 630 nm
- Cuvet chiều dài quang học: 10mm

Modul (Chemistry module) cho phân tích Phenol trong nước (ISO 14402:1999)

- Quá trình chưng cất tại: 145°C
- Phân tích Phenol:
- Dải đo: 0,2 ug/L - 200 ug C6H5OH/L trong nước
- Giới hạn LOD: 0,9 ug/L
- Bước sóng đo: nguồn LED photometer tại 505 nm
- Cuvet chiều dài quang học: 50mm

Hệ thống phân tích BOD tự động

MiniLAB



- Hoạt động và phân tích liên tục 24/7
- Khả năng phân tích cao: từ 60- 300 mẫu cho mỗi hệ thống (phụ thuộc vào ứng dụng và model)
- Tối ưu thời gian và nhân sự cho những công việc thủ công tẻ nhạt
- Thời gian phân tích ngắn hơn, cải thiện độ lặp lại và khả năng tái lập
- Giảm sử dụng thuốc thử
- Giảm chi phí cho mỗi lần kiểm tra và giảm chi phí xử lý chất thải
- Yêu cầu khối lượng mẫu nhỏ hơn
- Giữ thuốc thử ở nhiệt độ không đổi
- Giảm thời gian chu kỳ quy trình phòng thí nghiệm
- Có sẵn với nhiều điện cực tùy chọn trên một đơn vị để mở rộng phân tích bao gồm pH, độ dẫn điện, độ đục, độ kiềm và COD.
- Kết quả có thể xuất ra máy tính từ phần mềm
- Sử dụng chai BOD tiêu chuẩn tùy chọn bằng nhựa hoặc thủy tinh

Máy phân tích rời rạc AQ300

Ứng dụng phân tích quan trọng để phân tích chất ô nhiễm trong nước, nước thải, đất, ... Các phương pháp bao gồm:

- Độ kiềm
- Amoniac
- Clorua
- Xyanua
- Nitrat / Nitrit
- Nitrit
- Phenolics
- Phosphat, ortho
- Phốt pho, tổng số
- Silicat
- Sunfat
- Nitơ tổng Kjeldahl



THIẾT BỊ LẤY MẪU NƯỚC HIỆN TRƯỜNG

Theo tầng kiểu VanDorn (loại ngang)
Wildco – Mỹ



Theo tầng kiểu VanDorn (loại dọc)
Wildco – Mỹ



Lấy mẫu bùn trầm tích (kiểu gầu Ekman) Wildco – Mỹ



Lấy mẫu bùn trầm tích tầng sâu (kiểu gầu Van Veen) Wildco – Mỹ



Gầu Peterson Wildco – Mỹ



Bộ lưới thu sinh vật phù du
Wildco – Mỹ



Bơm lấy mẫu nước thải



Thiết bị lấy mẫu nước thải tự động



ĐO NHANH, PHÂN TÍCH NƯỚC TẠI HIỆN TRƯỜNG

Máy đo lưu tốc dòng chảy
NTECH – Mỹ



Máy đo pH/nhiệt độ



Máy đo độ dẫn (EC), tổng chất rắn hòa tan (TDS)



Máy đo độ đục (NTU) hiện trường



Thiết bị đo ôxy hòa tan (DO) hiện trường



Máy đo PH/ Độ dẫn/ TDS và t°C hiện trường



Máy đo chất lượng nước đa chỉ tiêu cầm tay



Máy đo Chlorometer cầm tay



Máy đo Ozon cầm tay



Máy đo Ammonia



Máy đo Ammonia 02 kênh



Bộ phân tích Asen



Máy đo kim loại nặng trong nước Model: HM1000



Thiết bị lọc các hợp chất hữu cơ trong nước bằng tia cực tím Model: HMOV1825



Bộ thiết bị kiểm tra chất lượng nước, vi sinh hiện trường WSL50 Pro



Thiết bị phân tích chỉ số điện hóa HM5000



THIẾT BỊ ĐO TẠI PHÒNG THÍ NGHIỆM

Máy quang phổ UVVIS đo nước (190 + 1100nm)

- Sử dụng thuốc thử dạng vial/ thuốc thử dạng ống Tubetests®/ dạng dung dịch đóng gói sẵn
- Dải bước sóng: 190 – 1100nm
- Công nghệ tách tia hoặc 02 chùm tia



Máy đo hoạt độ phóng xạ Alpha và Beta đồng thời dải thấp (đầu dò 500mm2)

Model: UMF-2000

SPC "Doza" Ltd., - Nga

- Đáp ứng các tiêu chuẩn: ISO 10704 : 2009, ISO 9697:2008, ISO 9696:2007
- Máy đo hoạt độ phóng xạ Alpha và Beta theo Thông tư 24 (TCVN 6053:2011 / TCVN 6219:2011 / TCVN 8879: 2011):
- Với các tiêu chuẩn áp dụng:
 - TCVN 6053:2011 (ISO 9696:2007): cho đo hoạt độ phóng xạ Alpha
 - TCVN 6219:2011 (ISO 9697:2008): cho đo hoạt độ phóng xạ Beta
 - TCVN 8879: 2011 (ISO 10704 : 2009): cho đo hoạt độ Alpha và Beta



Bộ phân tích COD

Bếp phá mẫu COD



Máy đo 130 chỉ tiêu trong nước Primelab 1.0 Water-ID, Đức



Bộ đo Thiết bị phân tích BOD₅

Bộ chai BOD tiêu chuẩn 06 hoặc 12 vị trí



Tủ ấm BOD



Máy đo pH/nhiệt độ để bàn



Máy đo độ dẫn (EC), tổng chất rắn hòa tan (TDS) để bàn



Máy đo Oxy hòa tan DO để bàn



Máy đo độ đục (NTU) để bàn



QUANG PHỔ PHÂN TÍCH COD BOD TOC TSS NO₃ KHÔNG DÙNG THUỐC THỬ

Phân tích COD BOD TOC TSS NO₃ không cần thuốc thử model: PASTEL UV

Aqualabo – Pháp



Máy đo COD đi hiện trường Model : CALYPSO OPEN ONE + PHOTOPOD AQUALABO – Pháp



Thiết bị lấy mẫu nước thải tự động VIGILANT AQUALABO – Pháp



BƠM LẤY MẪU KHÍ CẦM TAY

Bơm lấy mẫu khí cầm tay

AP Buck – Mỹ



Bơm lấy mẫu khí cầm tay

F&J – Mỹ



Bơm lấy mẫu khí cầm tay

Zefon Escort – Anh



Bơm lấy mẫu khí cầm tay

SKC – Mỹ



BƠM LẤY MẪU BỤI TSP THỂ TÍCH LỚN/ LẤY MẪU VOC

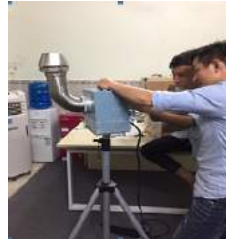
Bơm lấy mẫu khí thể tích lớn dòng TFIA

HIQ – Mỹ



Bơm lấy mẫu bụi TSP digital

Hãng HIQ – Mỹ



Bơm lấy mẫu VOC tự động

In'Air 4WAYS-1



LẤY MẪU BỤI PM10/ PM2.5 MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH

Lấy mẫu bụi PM10 và PM2.5 đồng thời

INSTRUMEX - ẤN ĐỘ

- 40 CFR part 50 method appendix J
- 40 CFR part 50 method appendix L



Lấy mẫu bụi PM10 và PM2.5 tuần tự

METONE – Mỹ

- 40 CFR part 50 method appendix J
- 40 CFR part 50 method appendix L



Lấy mẫu bụi TSP/ PM10 và PM2.5 tuần tự

HIQ – Mỹ

- AS/NZS 3580.9.7:2009
- AS/NZS 3580.9.6:2003;



MÁY LẤY MẪU DIOXIN/PAH – BỤI BÔNG – ĐO Hg MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH

Bộ lấy mẫu khí Dioxin và PAH xung quanh theo TO-9A

HIQ – Mỹ



Lấy mẫu bụi bông trong không khí

TE4000

Tisch – Mỹ



Máy đo nhanh thủy ngân Hg cầm tay

Model: HERMES™ Hãng 2B TECH – Mỹ

- Nguyên lý đo: hấp thụ UV tại UV 254 nm
- Dải đo: 0 - 2,000 µg/m3
- Độ ph



BỘ LẤY MẪU ỐNG KHÓI ISOKINETIC và NONISOKINETIC EPA 5 hoặc EPA 17

Lấy mẫu bụi Isokinetic EPA5 Thủ công/ Tự động (ISOKINETIC)

ESC – Mỹ

- Lấy mẫu bụi theo EPA5
- Lấy mẫu H₂SO₄ Sulfuric Acid Mist và SO₂ từ nguồn thải EPA8
- Lấy mẫu Dioxin theo EPA23
- Lấy mẫu HBr, HF, HCl theo EPA26a
- Lấy mẫu Hơi kim loại: As, Hg, Pb, Cd, Cu, Zn, Ni.....theo EPA29



Bộ lấy mẫu VOCs – NH₃ và H₂S (NON ISOKINETIC)

ESC – Mỹ

- Lấy mẫu VOCs THEO EPA0031 (phương pháp hấp thụ)
- Lấy mẫu VOCs theo EPA18 (phương pháp điện đầy túi TEDLAR)
- Lấy mẫu SO₂ theo EPA 6
- Lấy H₂S theo IS 11255 (part 4):2006
- Lấy mẫu NH₃ theo JIS K 0099:2004

Máy đo khí thải ống khói/ khí cháy xách tay E8500Plus

E Instruments – Mỹ

- Thiết bị đo phát xạ, đo khí cháy đo được tới 9 khí với: 06 cảm biến điện hóa - 03 cảm biến NDIR và 01 cảm biến PID lựa chọn thêm cho đo VOCs;
- Các khí đo: O₂, CO, NO, NO₂, SO₂, H₂S/ đầu dò NDIR: CO₂, C_xH_y, High CO



Lấy mẫu bụi Isokinetic EPA17

ANALITICA – Italia



Bình khí chuẩn O₂/ SO₂/ CO/ NO và NO₂

CALGAZ – Anh

- Bình khí đa: SO₂/ NO/CO
- Bình khí đơn: O₂/ SO₂/ CO/ NO/ NO₂



MÁY ĐO NHANH BỤI TSP/ PM10/ PM2.5 – HẠT BỤI/ BỤI TRỌNG LƯỢNG

Máy đo bụi tổng; bụi kích thước và bụi hô hấp PDR-1500 | 400mg/m³

ThermoScientific – Mỹ



Máy đo mật độ bụi (theo PM10, và TSP) (0.01 + 200 mg/m³) Hazdust - Mỹ



Máy đo nồng độ bụi (theo PM1, PM2.5, PM7, PM10, và TSP) (0 + 1 mg/m³) và đo kích thước/ đếm bụi (105.900 hạt /lít)



Máy đo mật độ bụi (theo PM1, PM2.5, PM7, PM10, và TSP) (0.001 – 20.0 mg/m³ hoặc 0.01 – 200.0 mg/m³ hoặc 0.1 – 2000.0 mg/m³) Hazdust - Mỹ



Máy đo bụi cầm tay (0 + 60mg/m³) & Dải kích thước hạt Ø (0,5 + 20µm)

Turnkey – Anh



Máy đếm hạt bụi tán xạ laser 6 kênh để bàn, tích hợp máy in, lưu lượng: 28.3 lít/ phút BT-620 MetOne – Mỹ



BƠM & ỐNG ĐO – MÁY ĐO KHÍ ĐỘC CẦM TAY – ĐO VI KHÍ HẬU – GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Bơm và ống đo khí độc cầm tay Gastec – Nhật Bản



Máy đo nhiệt độ, độ ẩm, khí CO₂, áp suất khí, tốc độ gió... không khí Einst – Mỹ



Bơm và ống đo khí độc cầm tay Kitagawa – Nhật Bản



Máy đo chất lượng không khí: CO₂, CO, % RH, Temp, VOC, O₂, NO₂, Ozone (O₃), SO₂, H₂S, NO, NO_x, khí áp, tốc độ gió / đo liên tục/ truyền tín hiệu qua Wireless



Máy đo khí độc đo đồng thời 06 khí GFG – Mỹ



- Hệ thống kiểm soát chất lượng không khí Online AEROQUAL - New Zealand. Các thông số kiểm tra:

- ✓ Các khí độc: O₃, NO₂, NOX, CO, SO₂, VOC, H₂S, non-methane hydrocarbons (NMHC), CO₂ hạt bụi (PM₁₀, PM_{2.5}, PM₁),
- ✓ Các thông số môi trường như: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió và hướng gió, độ ồn và các sensor khác

Máy đo VOC cầm tay với đầu dò PID RAE – Mỹ



Máy đo cường độ ánh sáng Extech – Mỹ



Máy đo vi khí hậu Extech – Mỹ Kestrel – Mỹ

- Nhiệt độ
- Độ ẩm
- Tốc độ gió
- Cường độ bức xạ nhiệt



Máy đo điện từ trường Extech – Mỹ



Máy đo bức xạ nhiệt Extech – Mỹ



Máy đo độ ồn tích phân ACO – Nhật Bản



Máy đo độ rung dexiben dB ACO – Nhật Bản



Máy đo độ rung gia tốc Hansford sensors – Anh



Máy đo độ rung theo dải tần

Model: SVAN 974
Svantek- Ba Lan



Máy đo rung dải tần (đo rung cục bộ và rung toàn thân) Model: SV106 Svantek- Ba Lan



Máy đo cường độ điện từ trường tần số thấp Model: NFA1000 GIGAHERTZ – Đức



TRẠM GIÁM SÁT BỤI TSP, PM10, PM2.5, PM1.0/ CÁC THÔNG SỐ KHÍ TƯỢNG

Turnkey – Anh

Trạm giám sát bụi cố định liên tục tại hiện trường – điều khiển giao tiếp qua GSM, 3G router hoặc radio modem

- Thông số bụi: TSP, PM10, PM2.5, PM1.0
- Dải đo: 0 – 6000microgam/m³
- Kích thước hạt giám sát: Ø(0.5 - 20µm)
- Các thông số khí tượng: tốc độ gió và hướng gió/ lượng mưa/ nhiệt độ và độ ẩm
- Phần mềm điều khiển: AirQ Software, AirQWeb & AirQApp
- Điều khiển qua web server, dùng mạng 3G/ 4G data network



MÁY PHA LOÃNG KHÍ – ĐO KHÍ O₃, CO, SO₂, NO_x, H₂S, NH₃...

Thiết bị pha loãng khí chuẩn di động

Model: 2010 SABIO – Mỹ

- Lưu trữ bộ nhớ trong 20 trình tự hiệu chuẩn với tối đa 20 cấp độ nguồn / pha loãng trong mỗi trình tự pha loãng.



Máy phân tích Ozone O₃ môi trường xung

quanh - Model: 6030 SABIO – Mỹ

- Máy phân tích Ozone O₃ môi trường xung quanh, model: 6030 cho phân tích theo định luật Beer-Lambert và nguyên lý hấp thụ tia UV của các phân tử O₂ tại 254nm



Máy phân tích CO môi trường xung

quanh 6050 Hãng: SABIO – Mỹ

- Máy phân tích CO môi trường xung quanh dựa trên nguyên lý hồng ngoại IR và Gas filter Correlation (lọc khí tương quan)



Máy phân tích SO₂ môi trường xung quanh

Model: 6020 SABIO – Mỹ

- Máy phân tích SO₂ môi trường xung quanh dựa trên nguyên lý huỳnh quang cực tím



Máy phân tích NO/ NO₂/ NO_x môi trường xung

quanh | Model: 6040 SABIO – Mỹ

- Máy phân tích NO/ NO₂/ NO_x môi trường xung quanh dựa trên nguyên lý quang hóa Chemiluminescence Method



Máy phân tích H₂S môi trường xung

quanh 6022 SABIO – Mỹ

- Model 6022 hãng Sabio/ Mỹ cho phân tích H₂S môi trường xung quanh. Màn hình màu, cổng



Máy phân tích NH₃ môi trường xung quanh

Model: 6042 SABIO – Mỹ

- Model 6042 hãng Sabio/ Mỹ cho phân tích NH₃ môi trường xung quanh dựa trên nguyên lý quang hóa chemiluminescence
- Dải đo rộng với người dùng tùy chọn trong khoảng: 0 – 25ppb đến 0 – 2ppm
- Độ nhiễu: <0.005ppm

Máy phân tích Lưu huỳnh khử tổng số (TRS)

môi trường xung quanh 6060 SABIO – Mỹ

- Model 6060 hãng Sabio/ Mỹ cho phân tích Lưu huỳnh khử tổng số (TRS)
- Màn hình hiển thị màu, khả năng đăng nhập dữ liệu, và tăng cường giao tiếp qua cổng Ethernet, USB và RS232/ 485



PHÂN TÍCH BTEX – SẮC KÝ KHÍ CẦM TAY GC

Máy phân tích BTEX di động

Hãng: INAIR

- Phân tích: BTEX, C₆H₅CH₃ – Toluene, C₆H₆ – Benzene, C₈H₁₀ – Xylene



Máy sắc ký khí GC cầm tay siêu nhỏ GC

Hãng: DEFIANT

- TOCAM™ (Máy theo dõi không khí hóa chất hữu cơ độc hại). Máy sắc ký khí siêu nhỏ GC với đầu dò quang hóa. Phân tích hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) để giám sát chất lượng sát không khí



Máy sắc ký khí GC cầm tay siêu nhỏ GC

Hãng: DEFIANT

- Máy sắc ký khí siêu nhỏ (Micro Gas Chromatograph), BTEX
- GC PID di động, Máy sắc ký khí siêu nhỏ với máy phát hiện quang hóa Phân tích hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) cho các mẫu không khí, nước và đất



Máy đo nhanh thông số Cacbon đen

(Black Cacbon trong không khí)

Hãng: Aethlabs



THIẾT BỊ PHÂN TÍCH HALOGE HỮU CƠ DỄ BỊ HẤP THỤ

(AOX)/ Máy phân tích NH₃ môi trường xung quanh

LABTECH- CH SÉC

- LTX UNIQUE có thể xác định AOX thông qua quá trình đốt cháy than hoạt tính đã hấp phụ Halogen hữu cơ, sau đó sản phẩm khí từ quá trình đốt được hấp thụ bằng acid sulfuric và tiến hành đo vi cặp.
- Dải đo: 0,1 -300 ug Cl, LOD: 0,02 ugCl
- Tuân theo tiêu chuẩn ISO 9562, DIN EN 9562, DIN 38 414-S18, ASTM D 4744-89, EPA Method 450.1, EPA Test Method 9020





Dịch vụ HIỆU CHUẨN vietCALIB®:

(1.1) Giới thiệu chung:

- Phòng Kỹ thuật - Hiệu chuẩn **vietCALIB®** được xây dựng đáp ứng theo yêu cầu về năng lực của ISO/IEC 17025:2017 và được trang bị đầy đủ các thiết bị và chất chuẩn. Phòng có nhiệm vụ cung cấp dịch vụ: **Bảo trì – Kiểm tra – Hiệu chuẩn** thiết bị: tại chỗ, nhanh chóng, đa dạng và bảo đảm chất lượng
- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật được đào tạo chuyên sâu và có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Bảo trì – Kiểm tra – Hiệu chuẩn

(1.2) Lĩnh vực hiệu chuẩn:

Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng Phòng Hiệu chuẩn **vietCALIB®** cung cấp dịch vụ Bảo trì – Kiểm tra - Hiệu chuẩn trong các lĩnh vực sau:

- Lĩnh vực hóa lý:**
 - UV/VIS, AAS, GC, HPLC, ICP/OES, ICP/MS. quang kế ngọn lửa, máy đo cực phổ, máy sắc ký ION IC...
 - Thiết bị xác định hàm lượng vàng (XRF) trang sức, mỹ nghệ...
 - Phương tiện đo chất lượng nước: pH, DO, EC, TDS, độ đục, COD, TSS, Anion/Cation, độ mặn,...
 - Phương tiện đo chất lượng khí: CO, CO₂, O₂, NO_x, SO₂, H₂S, HF, HCl, NH₃...
 - Phương tiện đo khối lượng riêng, bình tỷ trọng, cốc tỷ trọng, nhớt kế, cùn kế, đường kế,...
 - Phương tiện đo độ ẩm vật liệu: Thóc, gạo, ngô, cà phê, bìa, gỗ, bê tông, thạch cao, vải, bông,....
 - Phương tiện đo hàm lượng nước, chuẩn độ điện thế, khúc xạ kế, phân cực kế,...
- Lĩnh vực khối lượng:** cân phân tích, cân kỹ thuật.
- Lĩnh vực dung tích – lưu lượng:** dụng cụ thủy tinh, dụng cụ đo dung tích theo cơ cấu piston, lưu lượng kế, lưu lượng chất lỏng, máy đo tốc độ gió
- Lĩnh vực nhiệt:** Tủ nhiệt, lò nung, thiết bị ổn nhiệt, nhiệt kế, nhiệt ẩm kế, tủ nhiệt ẩm, bộ chuyển đổi nhiệt độ...
- Lĩnh vực áp suất:** Áp kế điện tử, áp kế lò xo, barometer, bộ chuyển đổi áp suất,....
- Lĩnh vực thời gian – tần số:** độ ồn, PTĐ độ rung, tốc độ vòng quay, bộ đếm thời gian,....
- Lĩnh vực quang:** ánh sáng,....
- Lĩnh vực ÂM THANH
- Lĩnh vực LỰC - ĐỘ CỨNG - CHIỀU DÀI
- Kiểm định THIẾT BỊ Y TẾ

(1.3) CÁC DỊCH VỤ CỦA vietCALIB®:

- HIỆU CHUẨN – THỬ NGHIỆM (www.vietcalib.vn | www.hieuchuanvietcalib.vn)
- BẢO TRÌ THIẾT BỊ PHÒNG THÍ NGHIỆM
- CUNG CẤP DỊCH VỤ SỬA CHỮA THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM (www.suathietbi.vn)
- CUNG CẤP VẬT TƯ TIÊU HAO PHÒNG THÍ NGHIỆM (www.vattusacky.vn)
- CUNG CẤP CHẤT CHUẨN PHÒNG THÍ NGHIỆM

Thông tin liên hệ:

TÊN CÔNG TY: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ **vietCALIB®**

TÊN TIẾNG ANH: **vietCALIB®** SCIENCE AND TECHNOLOGY Co.,LTD

ĐỊA CHỈ: số N36, đường số 11, P. Tân Thới Nhất, Q.12, Tp. Hồ Chí Minh

VPHN: 138 Phúc Diễn - P. Xuân Phương - Nam Từ Liêm - Hà Nội

Web: www.vietcalib.vn | www.hieuchuanvietcalib.vn | www.vattusacky.vn | www.suathietbi.vn

Mail: info@vietcalib.vn

Hotline: 1900 066870

Your Contact :



Technology & Science

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỆT NGUYỄN

VP. HCM: Số N36 Đường số 11 (Tân Thới Nhất 17) - P. Tân Thới Nhất - Quận 12 - Tp. HCM

VP. Hà Nội: 138 Phúc Diễn, phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

VP. Đà Nẵng: 59 Phạm Tu, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Đà Nẵng

Sales

info@vietnguyenco.vn

Mobile : (+84) 932 664422

Tel: (+84)28-66.570570 | (+84)24-32 009276

Service

service@vietnguyenco.vn

Mobile : (+84) 888663300

Tel: (+84)28-66.570570 | (+84)24-32 009276

**SCION | GBC | membraPure | TEKMAR | ABB | SEAL
DYNAMICA | PRECISA | FROILABO | EVOQUA | SMEG | LABINDIA**

www.vietnguyenco.vn